

## TRÒ CHUYỆN VỚI NHÀ THƠ TRANG CHÂU

• Trần Thị Nguyệt Mai thực hiện qua eMail

**Trần Thị Nguyệt Mai:** Xin anh nói cho độc giả biết một chút về anh?

**Trang Châu:** Tôi sinh ngày 28 tháng 3 năm 1938 ở Huế. Mồ côi mẹ năm 10 tuổi. Thân phụ tôi là một tướng 3 sao trong quân lực VNCH.

Tôi được theo học các trường Pellerin, Institut de la Providence ở Huế và Lycée Yersin ở Đà Lạt. Lên đại học tôi chọn Y Khoa Sài Gòn, vào quân y, ra trường cuối năm 1965 với cấp bậc y sĩ trung úy. Tôi chọn phục vụ quân y Dù từ 1966 đến 1971. Tiếp theo là y sĩ điều trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh. Giữa năm 1972 được lệnh chuyển về Trường Quân Y, đảm trách chức vụ Trưởng Khối Sinh Viên và Khóa Sinh một thời gian ngắn và sau đó là Trưởng Khối Tâm lý Chiến kiêm Chủ Bút Tập San Quân Y cho đến ngày mất Miền Nam năm 1975.

Tị nạn tại thành phố Montréal, tỉnh bang Québec, xứ Canada, từ 14 tháng 5 năm 1975. Trở lại nghề Y vào tháng 9 năm 1977. Tháng 4 năm 1988 tình nguyện theo tàu của Hội Médecins du Monde (Pháp) về Biển Đông cứu người vượt biển. Tàu đã gặp 5 ghe vượt biển, vớt được 327 thuyền nhân. Nghỉ hưu từ đầu tháng 3 năm 2016.



Chụp ở Đà Lạt năm 1956-57, khi học tú tài 2 ở lycée Yersin.

- Hình bên trái: từ trái sang: TC là người thứ 4.

- Hình bên phải: Hàng đứng (từ trái sang): TC là người thứ 3



TC đứng trên tàu Mary của Médecins du Monde đi cứu người vượt biển, năm 1988.

*TTNM: Được biết anh làm thơ từ năm 15 tuổi. Nguyên do gì đã đưa anh đến với thơ?*

**Trang Châu:** Tôi còn nhớ, lúc bắt đầu đánh vần được chữ quốc ngữ, tình cờ thấy cuốn truyện thơ Lục Vân Tiên mẹ tôi để ở đầu giường, tôi tò mò mở ra đọc, đánh vần từng chữ, chữ hiểu chữ không. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ mấy câu thơ sau đây:

*“Đêm khuya ngọn gió thổi lò  
Sương sa ẩm thấp, mưa to lạnh lùng...”*

Hai câu thơ tả cảnh Lục Vân Tiên, mù lòa, bị đem bỏ trong hang Xương Tòng cho chết đói. Tôi đã khóc khi đọc và hiểu được hai câu thơ này. Cũng như tôi đã sung sướng vui mừng tiếp đó khi đọc hai câu thơ sau:

*“Đêm nằm thấy một ông tiên  
Dem cho thuốc uống mắt liền sáng ra...”*

Đó là kỷ niệm khó quên lần chạm mặt đầu tiên với thơ.

Vì theo học chương trình Pháp giờ Việt văn rất ít: mỗi tuần chỉ 2 giờ học. Vị giáo sư là một linh mục: Cha Bính. Sau khi giảng dạy các thể thơ VN như: lục bát, song thất lục bát,

phú, Đường thi, tứ tuyệt, thơ Mới, cha Bính bắt cả lớp làm thơ; đề tài : tự do, thể thơ : tự do. Bài thơ đầu đời của tôi ở tuổi 15 là viết về người mẹ vắng mặt của mình:

### **Thăm Mộ Mẹ**

*Tôi đứng nhìn xem nắm mộ tàn  
Im lìm an giấc dưới trời lam  
Trên đầu bia đá rêu xanh phủ  
Cỏ úa lan tràn phủ dọc ngang*

*Lúc ấy hồn tôi cố tưởng mơ  
Bóng người từ mẫu tận mây mờ  
Vớ bàn tay trắng êm êm mát  
Ôm ấm người tôi lúc trẻ thơ*

*Nhưng hết, hôm nay hết cả rồi  
Còn đâu hình bóng quý yêu tôi  
Vớ bàn tay trắng êm êm mát  
Vỏn vẹn còn tro nắm mộ tồi*

Cha Bính phê trong tập vở của tôi: “Hay quá!”. Ngài đã đem bài thơ của tôi đọc cho cả lớp nghe. Tôi nổi tiếng từ hôm đó. Bài thơ đầu đời của tôi, tôi chưa bao giờ gửi đăng báo hay cho in trong các tập thơ của mình. Có lẽ tôi vẫn ngại bài thơ còn “non” quá. Nhưng thơ đã đến với tôi từ đó và sẽ ở với tôi mãi mãi.

**TTNM:** *Do đâu anh chọn bút hiệu Trang Châu? Bài viết xuất hiện đầu tiên của anh trên báo có phải từ nguyệt san Tình Thương của sinh viên Y khoa? Hay là một tờ báo nào khác?*

**Trang Châu:** Trang là tên ông anh ruột.

Đúng. Thời đó tôi bắt đầu và chỉ viết cho nguyệt san Tình Thương.

**TTNM:** *Qua tiết lộ của anh, NM tìm đọc các số báo Tình Thương\* được nhà văn Trần Hoài Thư sưu tập và khôi phục từ Đại học Cornell (Hoa Kỳ). Bài thơ đầu tiên của anh xuất hiện trên báo là bài Buồn Một Phương, đi trên Tình Thương số 2 – Xuân Giáp Thìn 1964 (tháng 2/1964). Cũng nhờ bộ sưu tập này, NM được biết từ số 14 - Xuân Ất Tỵ tháng 2/1965 đến số 24 tháng 12/1965, anh cùng đứng chung trên manchette tờ báo với Chủ nhiệm: Phạm Đình*

Vy, Chủ bút: Nguyễn Vĩnh Đức, Tổng Thư ký: Ngô Thế Vinh, Thư ký: Lê Văn Châu, Quản lý kiêm Thủ quỹ: Vũ Thiện Đạm.



Hình chụp trước tòa soạn báo Tình Thương năm 1964-65.  
Từ trái qua: Bùi Thế Hoàn, Lê Văn Châu, Ngô Thế Vinh, Phạm Đình Vy.

*Từ thơ rồi sau đó anh cũng viết văn. Điều gì đã khiến anh viết văn? Hình như anh viết khi đã vào lính. Thời tạp chí Tình Thương anh chỉ làm thơ và rất nổi tiếng với những bài thơ đăng trên đó. Có phải vậy không?*



**Trang Châu:** Phải nhìn nhận thời gian 2 năm (1964-1965) cộng tác với tờ nguyệt san Tình Thương của sinh viên Y khoa Sài Gòn đã giúp tôi tìm được một lối đi riêng cho thơ mình. Đạo đó tôi hay mua đọc thơ, văn Pháp loại *livre de poche*. Tôi thích nhất thơ của Jacques Prévert. Tôi muốn sáng tác thơ mình theo cái *style* của ông ấy. Dí dỏm, tinh nghịch, thỉnh thoảng pha chút mỉa mai, chua chát. Đại loại như:

*“Để thay đổi không khí cho tình yêu  
Em nên đi lấy chồng  
Và nhớ đến anh  
Trong những giờ hạnh phúc...”*

.....  
*“Nếu em không là Hồng, là Mai, là Cúc  
Thì xin gọi em là em  
Người con gái phụng phịu trả lời: em muốn  
Anh gọi em bằng tên... anh”*

Thời cộng tác với nguyệt san Tình Thương tôi có viết văn, nhưng chưa viết truyện ngắn. Chỉ là những bài viết về thời cuộc. Chỉ có bài ‘Nhật Ký Một Chuyến Đi’ viết vào năm 1964 khi một toán sinh viên quân y hai năm cuối nhận lệnh Cục Quân Y lên đường ra miền Trung (Quế Sơn) cứu trợ nạn lụt. Bài viết này coi như tiền thân của những bài bút ký sau này trong tác phẩm văn đầu tay: *Y Sĩ Tiền Tuyến*.

Tôi chỉ thực sự bắt đầu viết truyện ngắn vào khoảng năm 1969-1970 khi cộng tác với tờ Văn Học do anh Phan Kim Thịnh làm chủ nhiệm. Viết truyện ngắn có nhuận bút, thơ thì không. Không biết có phải viết truyện ngắn được nhuận bút là một vuốt ve tự ái đã thôi thúc tôi viết hay thực sự tôi muốn thử nghiệm một lãnh vực mới.

Tôi nhớ tôi đã viết được 14 truyện ngắn. Nhà xuất bản Đường Sáng (đã in và phát hành cuốn *Y Sĩ Tiền Tuyến* của tôi) đã nhận xuất bản và đã trả tác quyền trước. Nhưng sách chưa kịp in thì miền Nam mất. Ra hải ngoại tôi còn nhớ nội dung vài truyện và cố gắng viết lại với đôi chút thêm bớt như các truyện: Dì Thu, Chị Xuyên, Nhung nào khác, Bên Đường...

Tôi tự trách mãi việc mình, trưa 29 tháng 4 năm 1975, do vội vã rời nhà để đào thoát, đã xách túi đồ nghề theo mà bỏ lại túi đựng bản thảo thơ, văn cùng cuốn album trong đó có 3 tấm hình tôi quý: Hình vào Dinh Độc Lập bắt tay Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu nhận giải thưởng văn học nghệ thuật với tác phẩm đầu tay: cuốn bút ký *Y Sĩ Tiền Tuyến*. Hình được Tướng Nguyễn Ngọc Loan gán Dân Vụ Bội Tinh tại vùng đóng quân ở Kinh Sáng (Chợ Đệm - Bình Chánh) và tấm hình tôi đang săn sóc một thương binh Bắc Việt bị trọng thương (có ghi lại ở chương Đường Ra Bến Hải, trong *Y Sĩ Tiền Tuyến*).

*TTNM: Khi học xong ra trường, anh chọn về Quân Y Dù. Có điều gì quyến rũ anh trong việc chọn binh chủng này thay vì các binh chủng khác hay không?*

**Trang Châu:** Tình hình chính trị thời điểm 1964-1966 rất rối ren, sinh viên xuống đường chống chính quyền quân sự liên miên.

Nhân sự trong tòa soạn nguyệt san Tình Thương chia ra làm 2 phe: một bên vực, một chống. Tôi đứng ở giữa. Tôi nhớ tôi đã nói rằng: Trước khi muốn làm cách mạng cho đất nước hãy làm cách mạng bản thân đã. Đất nước đang chiến tranh. Vậy mình phải làm nhiệm vụ của một người trai thời chiến. Tôi chọn phục vụ một lực lượng tổng trừ bị: Nhảy Dù. Về Dù phải tình nguyện chứ không do Cục Quân Y phân chia đơn vị lúc ra trường. Theo bước tôi đi, về sau có Phạm Đình Vy về Thủy Quân Lục Chiến, Ngô Thế Vinh về Lực Lượng Đặc Biệt. Về Nhảy Dù có Trần Đông A và Đường Thiện Đồng.



Hình chụp năm Mậu Thân 1968 –  
Chờ lên phi cơ đi nhảy bồi dưỡng



Hình chụp ở Bệnh viện Đỗ Vinh trong căn cứ Hoàng Hoa Thám của Sư Đoàn Dù, năm 1969 – Từ trái sang TC là người thứ tư



Hình bìa sau của tập truyện *Y sĩ tiền tuyến*, năm 1970.

*TTNM: Được biết Bác sĩ Nghiêm Sỹ Tuấn là Thư ký của Tạp chí Tình Thương, học chung lớp, ra trường cùng năm và cùng về Quân y Dù với anh. Sau này, tháng 4/1968, anh Tuấn đã hy sinh khi đang săn sóc cho một thương binh ở Khe Sanh. Xin anh kể về những kỷ niệm với anh Nghiêm Sỹ Tuấn khi cùng học chung ở Đại học Y khoa cũng như khi ở trong quân đội.*

**Trang Châu:** Nghiêm Sỹ Tuấn là bạn học cùng lớp với tôi. Chỉ khác nhau ở chỗ Tuấn là trung tập còn tôi là hiện dịch. Tôi đảo nhậm đơn vị trước Tuấn 6 tháng. Khi Tuấn tình nguyện về Quân y Dù tôi đang ở trạm cứu thương tiểu đoàn 6 Dù, hậu cứ ở Vũng Tàu. Tôi xin đổi về trạm cứu thương tiểu đoàn 3 Dù cho được gần nhà vì hậu cứ tiểu đoàn 3 Dù nằm ở Sài Gòn. Tuấn thế tôi ở tiểu đoàn 6 Dù.

Tuấn nhỏ con, tính tình trầm lặng, uyên bác, giỏi ngoại ngữ. Nguyệt san Tình Thương của sinh viên Y khoa Sài Gòn dạo đó có đăng từng kỳ tác phẩm nổi tiếng *Dưới Mắt Thương Đế* của Hans Killian, dịch giả là Nguyễn Vĩnh Đức & Nghiêm Sỹ Tuấn.



Nghiêm Sỹ Tuấn là bác sĩ Dù duy nhất hai lần bị thương, một lần nhẹ ở Dakto (mảnh đạn xước bờ vai) và một lần khá nặng ở Cao Lãnh (đạn ghim vào đầu gối). Sau khi lành vết thương đầu gối, Tuấn được gửi đi thụ huấn khóa giải phẫu tổng quát một năm tại Tổng Viện Cộng Hòa. Nghe nói Tuấn xin được trở về phục vụ bệnh viện Đỗ Vinh của sư đoàn Dù sau khi mãn khóa. Hình như yêu cầu của Tuấn không được Cục Quân Y chấp thuận. Và Tuấn từ chối theo học khóa giải phẫu tổng quát, trở về làm y sĩ trưởng tiểu đoàn 6 Dù cho tròn nhiệm vụ 2 năm ở cấp tiểu đoàn của đơn vị tổng trừ bị.

Năm Mậu Thân 1968, trận Khe Sanh mở màn. Tuấn ghé bệnh viện Đỗ Vinh thăm tôi trước khi theo đơn vị ra vùng hỏa tuyến. Anh tâm sự với tôi:

- Sếp vừa cho tôi hay, tôi “lội” chuyến này là chuyến chót.

Tuấn đã lội chuyến chót, nhưng đi không bao giờ trở về. Một quả pháo của địch đã rơi đúng chỗ Tuấn đang đứng, chuẩn bị truyền dung dịch cho một thương binh nằm trên cang đặt trên miệng hầm. Tôi là người nhận lệnh đi báo tin buồn cho gia đình Tuấn. Hình

ảnh ông cụ thân sinh của Tuấn, rơi phịch xuống ghế ngồi, hai mắt trừng trừng nhìn tôi, sau khi tôi báo tin dữ, ám ảnh tôi suốt đời.

Tôi có làm cho Tuấn một bài thơ, khá dài, 6 đoạn. Hôm nay chỉ xin trích một đoạn, coi như để tưởng nhớ một bạn học cùng lớp, một đồng đội cùng binh chủng:

*Hỡi thằng y sĩ Dù bé nhỏ của chúng tao ơi!  
Đi chưa bao giờ biết mệt  
Chiến đấu chưa bao giờ biết nằm  
Đêm Gio Linh xác địch chất bên miệng hầm  
Chiều Cao Lãnh đạn ghim sâu vào gối  
Và Dakto mảnh xước bờ vai  
Hỡi thằng duy nhất của chúng tao ơi!  
Hai lần chiến thương vẫn còn “súng, xác”..*

**TTNM:** Nhân nhắc đến tác phẩm Y sĩ tiền tuyến, điều gì đã thôi thúc anh viết cuốn sách này? Anh đã có những kỷ niệm khó quên nào với tác phẩm ghi đậm dấu ấn của một Trang Châu - Y sĩ tiền tuyến?



**Trang Châu:** Thành thật mà nói, nếu không có việc nền Đệ Nhị Cộng Hòa tái lập lại Giải Thưởng Văn Học Nghệ Thuật, còn được nôm na gọi là giải Tổng Thống, thì có lẽ không có tác phẩm *Y Sĩ Tiền Tuyến*.

Bài ký đầu tiên tôi viết là ‘Nhật Ký Một Chuyến Đi’ kể lại chuyến đi cứu trợ nạn lụt năm 1964 ở Quế Sơn (miền Trung) của toán sinh viên Quân Y, theo lệnh của Cục Quân Y. Bài ký này được đăng ở nguyệt san Tình Thương của sinh viên y khoa Sài Gòn.

Bài ký thứ hai tôi viết lúc đang còn phục vụ ở tiểu đoàn 3 Dù. Khoảng đầu năm 1967, Cục Tâm lý chiến tổ chức một cuộc thi toàn quốc với đề tài: Bút ký chiến đấu. Tiểu đoàn 3 Dù lúc đó đang đóng ở Chợ Đệm (Bình Chánh). Ngoài đời lần khám bệnh, phát thuốc cho dân chúng, tôi khá rảnh rang thì giờ. Một hôm mở đài phát thanh nghe thì biết tin trên. Tôi viết bài ‘Đường Ra Bến Hải’ gửi đi dự thi. Bài ký kể lại cuộc hành quân ở vùng Cửa của quận Cam Lộ. Một cuộc hành quân không đụng độ lớn nhưng rất kham khổ dưới cái nắng nóng ghê gớm. Bài ký được chấm giải nhất.

Bài ký thứ ba tôi viết lúc đang làm việc ở bệnh viện Đỗ Vinh của sư đoàn Dù. Lúc bấy giờ Phòng Tâm lý chiến của sư đoàn Dù cho ấn hành đặc san Mũ Đỏ. Họ gặp tôi xin góp bài. Bài ký này có tựa ‘Thử Lửa’, trong đó tôi kể lại trận đánh lớn mà tôi tham gia trong lần hành quân đầu tiên với tiểu đoàn 6 Dù.

Chỉ khi nghe tin Bộ Văn Hóa tái lập lại Giải Thưởng Văn Học Nghệ Thuật tôi mới có ý định viết thêm những đoạn ký khác, sắp xếp lại theo thứ tự thời gian cho thành một tác phẩm. Tác phẩm dự thi không bắt buộc phải là tác phẩm đã xuất bản càng làm tôi phấn khởi. Tôi gửi bút ký *Y Sĩ Tiền Tuyến* đi dự thi dưới dạng chữ đánh máy. Và *Y Sĩ Tiền Tuyến* đã là một trong ba tác phẩm trúng giải năm 1969.

Nếu có ai hỏi tôi nghĩ gì về chiến tranh VN thì tôi sẽ mượn mấy câu cuối trong bài ‘Đường Ra Bến Hải’ để trả lời: “Và một ngày sắp tới, ngồi trên trục thẳng, nhìn xuống cảnh núi rừng trùng điệp chắc tôi lại sẽ nghĩ vẫn vơ... Chiến tranh buồn cười thật: một đảng lặn lội từ ngoài Bắc vào, một đảng từ châu Mỹ xa lắc xa lơ tới và một đảng chúng tôi từ Vũng Tàu lên, kéo đến chốn rừng thiêng nước độc này tìm giết lẫn nhau...”

**TTNM:** *Nghề bác sĩ giúp anh tiếp xúc với rất nhiều người cũng như nhiều cảnh đời. Nhưng nó có giúp anh chút nào trong cảm hứng sáng tác văn cũng như thơ?*

**Trang Châu:** Tôi nghĩ nghề của tôi đã giúp tôi có đề tài để viết truyện ngắn hơn làm thơ. Xuyên qua bệnh nhân, ở nhiều lứa tuổi, những cảnh đời khác biệt của họ, giúp tôi có những sự kiện mới, lạ để khởi đầu một câu chuyện. Nhưng những cảnh đời đó chỉ giúp tôi vào truyện, kết thúc câu chuyện lại là cái hướng tôi chọn để nhân vật của tôi nhắm tới mà đi, nhận lấy mà sống hay cam chịu. Truyện ngắn của tôi vào đầu 60 phần trăm là có thật ngoài đời, đoạn kết đa phần lại là hư cấu. Còn nhớ khi nhờ nhà văn Mai Kim Ngọc đề

tựa cho tập truyện *Dì Thu*, ông cứ đùa đùa hỏi: Phần thật chiếm bao nhiêu phần trăm vậy Trang Châu?

*TTNM: Trong những sáng tác của anh, anh ưng ý những tác phẩm nào nhất và vì sao?*

**Trang Châu:** Với tôi không có tác phẩm nào tôi ưng ý nhất. Chỉ có bài viết nào gây xúc động mạnh khi tôi sáng tác và có âm hưởng lâu bền khi tôi có dịp đọc lại thì tôi coi là ưng ý. Thơ thì có: Mừng Em, Dặn con khi khôn lớn, Xuân nhớ bạn. Truyện ngắn thì có: Dì Thu, Chị Xuyên, Bên Đường. Bút ký thì có: Đường Ra Bến Hải. Đồng hạng thì có nhưng nhất thì chưa. Cũng có thể sẽ không bao giờ có.

*TTNM: Về nghề nghiệp, tại sao anh chọn ngành y? Điều gì trong y khoa khiến anh thấy thích thú khi theo nghề này?*

**Trang Châu:** Khi còn học lớp seconde (đệ tam) tôi ước lên đại học tôi sẽ chọn y khoa để tìm hiểu mẹ tôi mất về bệnh gì. Thế nhưng rồi sau khi đậu tú tài 2, ban triết, tôi lại muốn đi học Luật để ra làm luật sư. Nhưng trường Luật năm đó bỏ tiếng Pháp, đổi sang dạy bằng tiếng Việt. Thấy tôi có vẻ lừng khừng chọn ngành, bà kể mẫu tôi nói: nhà muốn có một bác sĩ nhưng sợ y khoa khó lắm e Châu học không nổi. Thế là chạm tự ái thẳng nhỏ. Thế là tôi ghi danh học y khoa. Ba năm đầu thật vất vả. Ngoài chổng bài vở, thực tập còn phải chống chỏi với cái thiếu hăng say của chính mình. Cho đến khi lên năm thứ ba, thực tập ở bệnh viện Từ Dũ, mỗi sinh viên có trách nhiệm phải đỡ 20 ca sinh đẻ bình thường tôi mới bắt đầu yêu nghề của mình. Còn nhớ sau khi kéo được đứa bé sơ sinh ra khỏi người mẹ nó, đặt ống hút nhót trong mũi, trong miệng, vỗ dứt nhẹ cho nó khóc, nhỏ thuốc vào mắt, cắt cuốn rún, lau mình mẩy, quấn tã cho nó rồi đem đứa bé lại cho mẹ nó. Nhìn cảnh người mẹ, mới vừa đây kêu la khi rặn đẻ, giờ hai tay ôm con, mắt sáng với nụ cười sung sướng, tiếp theo hai tiếng cảm ơn, mình mới thấy mình vừa đóng góp một chút gì cho hạnh phúc của người khác.

*TTNM: Xin anh cho biết những tác phẩm đã và sẽ xuất bản của anh.*

**Trang Châu:** Danh sách các tác phẩm đã xuất bản:

\* Ở Việt Nam:

- Tình Một Thuở (thơ) – 1964

- Y Sĩ Tiền Tuyến (bút ký) – 1970

- Giải Thích (thơ) – 1972

\* Ở Hải Ngoại:

- Thơ Trang Châu – 1989

- Về Biển Đông (bút ký) – 1995

- Di Thu (tập truyện) – 2000; tái bản lần thứ 2, 2013

- Thơ Tuyển – 2007

- Người ăn trưa trong xe (tập truyện) – 2013

- 12 truyện ngắn 12 bài thơ – 2017

- Y Sĩ Tiền Tuyển (bút ký) – tái bản lần thứ 10, 2017

- eBook: Nhà tiên tri (tác phẩm dịch *Le prophète* của Khalil Gibran) – 2021

Chưa in:

- Góp Nhặt (thơ, truyện ngắn, hồi ức)

- Thơ dịch Jacques Prévert

- Giới thiệu tác giả

**TTNM:** *Xin anh cho biết những tác phẩm đã và sẽ xuất bản của anh.*

**Trang Châu:** Danh sách các tác phẩm đã xuất bản:

\* Ở Việt Nam:

- *Tình Một Thuở* (thơ) – 1964

- *Y Sĩ Tiền Tuyển* (bút ký) – 1970

- *Giải Thích* (thơ) – 1972

\* Ở Hải Ngoại:

- *Thơ Trang Châu* – 1989

- *Về Biển Đông* (bút ký) – 1995

- *Di Thu* (tập truyện) – 2000; tái bản lần thứ 2, 2013

- *Thơ Tuyển* – 2007

- *Người ăn trưa trong xe* (tập truyện) – 2013

- *12 truyện ngắn 12 bài thơ* – 2017

- *Y Sĩ Tiền Tuyển* (bút ký) – tái bản lần thứ 10, 2017

- eBook: *Nhà tiên tri* (tác phẩm dịch *Le prophète* của Khalil Gibran) – 2021

Chưa in:

- *Góp Nhặt* (thơ, truyện ngắn, hồi ức)

- Thơ dịch Jacques Prévert
- Giới thiệu tác giả

**TTNM:** Khi nhắc đến tên Trang Châu, anh mong độc giả nhớ tới anh ở những điều gì?

**Trang Châu:** Hơi khó trả lời. Có lẽ tôi nên mượn lời những nhà văn nhà thơ đã viết về tôi và mong những gì họ nghĩ về Trang Châu cũng được đồng đảo độc giả nghĩ như vậy.

“Đọc Trang Châu người ta dễ dàng cảm thấy chuyện rất thật, rất cuộc đời, như một phiên bản thật thà của cuộc sống quanh ta. Chúng có cái hấp lực riêng níu kéo người đọc. Tôi vẫn cho một truyện thành công phải giữ người đọc tới dòng chữ cuối. Và khi đọc xong, truyện vẫn còn vương vấn trong trí người đọc, không dễ gì mà rời xa, không dễ gì mà xếp lại.” -- Song Thao (trích *Độc Dì Thu* của Trang Châu).

“Thơ Trang Châu nói chung là thơ rất hiền. Trong thơ Trang Châu ta thấy phảng phất những âm điệu êm đềm như thơ Nguyễn Bính hay yêu kiều như giọng Đinh Hùng. Trong thơ Trang Châu tiếng nói không bị đập phá, không bị xô đẩy tới những biên cương không chờ đợi. Vì vậy tôi chắc thơ Trang Châu sẽ được tiếp đón dễ dàng với nhiều thế hệ người đọc thơ.” -- Đỗ Quý Toàn (Trích *Tựa - Thơ Trang Châu*)

“Hình như có nhà phê bình văn học nào đó đã nói văn thơ khi đã đạt tới mức nghệ thuật thì nên vứt bỏ kỹ thuật đi. Chúng ta không thấy cái công dụng sửa chữa lỗi nào trong toàn tập thơ. Trang Châu nghĩ sao viết vậy, suôn sẻ và gãy gọn, êm ái mà thân tình. Có một thứ tình yêu rất lớn, thiết lớn mà tác giả say mê hơn tất cả mọi thứ say mê. Đó là tình yêu quê hương đất nước. Lúc nào anh cũng “muốn làm một cái gì”. Theo tôi người có trái tim bình thường là những người bình thường, có trái tim thật lớn mới là thi sĩ.” -- Võ Kỳ Điền (Trích *Bạt - Thơ Trang Châu*)

“Dù đã viết *Y Sĩ Tiên Tuyến* tác phẩm được giải thưởng văn chương toàn quốc, thơ Trang Châu lại rục rờ và sáng trưng trong những mảnh đời sống. Thơ của tình một thuở, của quê hương, của trái tim không bao giờ ngưng đập nhịp. Thơ Trang Châu ngắn lời nhưng dài ý. Một chút Huy Cận, một chút Nguyễn Bính phảng phất. Thơ tình yêu không bao giờ cũ. Thơ Trang Châu còn là niềm suy tư của người con trai đối với quê hương dân tộc.” -- Nguyễn Mạnh Trinh (Trích báo *Hồn Việt*).

“Quê hương và chiến tranh đã được nói tới nhiều, nhìn ngắm nhiều, và lần này qua ngòi bút của một nhà văn Y sĩ, nghĩa là qua một lương tâm đích thực. Đây là một ký sự, một tác

phẩm văn chương. Bởi vì tất cả những sự kiện có thực trong đời sống, khi đem vào tác phẩm, dù được sắp xếp hoặc hỗn độn, hoặc trật tự như thế nào cũng đều thoát ra một dẫn giải. Ở đây lẽ tự nhiên, là một dẫn giải về cuộc chiến mà tất cả chúng ta đang chịu đựng và chống trả trong đau đớn và hy vọng.” -- Nguyễn Đình Toàn (lời giới thiệu trang bìa sau *Y Sĩ Tiền Tuyến*)

“Có những sự kiện, những cảm giác mà tất cả mọi người đều biết, đều viết, đều thấy là thông thường. Chính trong những sự kiện thông thường ấy, những cảm giác mà mọi người đều biết, đều viết ấy, Trang Châu đi tìm cái lạ, cái mới. Anh đem tâm tư mình lên bàn mổ, đem cảm nghĩ của mình ra giải phẫu. Mỗi câu văn, mỗi trang sách của Trang Châu đều là một phần của chính anh. Đọc Trang Châu, cái thích nhất là thấy anh viết rất thật.” -- Nguyễn Đạt Thịnh (lời giới thiệu trang bìa sau *Y Sĩ Tiền Tuyến*).

“Đi vào đời sống sinh động và nhiều mặt của đất nước hiện nay, hạnh phúc và may mắn của một nhà văn mới lên đường, như trường hợp Trang Châu, là từ điểm khởi hành đi thẳng, đi ngay vào những thực tế lớn. Thực tế lớn của đất nước bây giờ là tuyến đầu, là mặt trận. Trang Châu đã có mặt ở đó. Qua những ghi nhận khỏe, tốt, tích cực và có hiệu lực của ông, tôi muốn nghĩ nếu một thực tế gai lửa không bao giờ đến với nhà văn như một tiếp nhận dễ dàng, mà như một thử thách dữ dội, Trang Châu đã có đủ điều kiện để đương đầu và biểu hiện được những đặc thù của nó.” -- Mai Thảo (Trích lời giới thiệu trang bìa sau *Y Sĩ Tiền Tuyến*, in đợt 2 của nhà xuất bản Đường Sáng).

“Văn chương nghệ thuật đã xua vào binh chủng ưu tú của quân đội một chiến sĩ đặc lực. Ở Trang Châu có một trường hợp ngộ nghĩnh: trường hợp một người vừa phục vụ nghệ thuật vừa phục vụ nhân sinh thật kỹ, nói một cách khác là một người vì nghệ thuật mà nhào vô phục vụ nhân sinh đến nơi đến chốn. Phải nói ra như thế để thấy cái giá phải trả cho cuốn ký này nó cao đến đâu.” -- Võ Phiến (*Văn Học Miền Nam* - Trích Ký).

“Nghe lời kêu cứu thống thiết của đồng bào nơi Biển Đông, ông đóng cửa phòng mạch lên đường ra trùng khơi tìm cơ hội nối lại nghĩa đồng bào. Chỉ cần một tâm hồn nhân hậu như thế cũng đủ hấp lực lôi cuốn chúng ta vào truyện rồi. Nhưng ở đây, tác giả còn khéo léo bố cục cho câu chuyện có tiền có hậu, có trước có sau, tưởng như một tiểu thuyết hư cấu. Nhưng không, đây là chuyện thật một trăm phần trăm, viết trong những lời văn trong sáng, chân thật, không chút làm dáng mà vẫn chuyên chở được nỗi khát khao đem lại chút hạnh phúc cho người đồng chủng.” -- Trương Anh Thụy (Trích bài giới thiệu bút ký *Về Biển Đông* - Xuân Ất Hợi 1995)

“Trang Châu đã có những chọn lựa tuyệt đẹp cho cuộc đời của ông bằng những năm mặc bộ quân phục màu ngụy trang. Thế rồi, ở cái tuổi ai cũng nghĩ không còn làm được gì nữa, Trang Châu trở lại Biển Đông và đem về cuốn bút ký *Về Biển Đông*. Những thứ ông mang về là những tài sản vô giá như hình ảnh con tàu chật chội, những gắn bó tình người, như biển Đông nồng mặn, như niềm vui không bờ bến của những người nhìn thấy khung trời Tự Do. *Về Biển Đông* là một cuốn sách do một thuyền nhân viết về những thuyền nhân và cho những thuyền nhân.” -- *Bùi Bảo Trúc* (trích bài giới thiệu buổi ra mắt bút ký *Về Biển Đông*, Arlington 1995).

“Trong cương vị nhà văn, Trang Châu đem đến cho người tị nạn một chút tình người, tình máu mủ, đồng bào. Trong cương vị của một y sĩ, ông đã phần nào xoa dịu những đón đau thể chất của đồng loại.” -- *Hoàng Khởi Phong* (*Về Biển Đông* - Trích báo Người Việt số tháng 6-1995)

“Tập truyện là một sưu tập người nữ, và truyện cũng như người của Trang Châu rất hấp dẫn. Trang Châu kinh sợ sự nhạt nhẽo và thích chất muối mà chỉ người nữ phong trần mới có. Về muối quả thật nhân vật nữ của Trang Châu có sẵn đến mức đậm đà, có khi đến chỗ mặn chát. Họ đối ứng có duyên, xử lý mọi chuyện dễ dàng, dễ dãi, và cái đùa cợt bất cần đời của họ dễ lây sang người đọc. Nhưng ngẫm lại, câu chuyện không hẳn chỉ có khôi hài mà còn rất nhiều bất hạnh. Nhân vật nữ của Trang Châu không được đời ưu đãi”. -- *Mai Kim Ngọc* (Trích *Tựa - Tập truyện Dì Thu*)

“Truyện của Trang Châu giản dị, nồng nàn, nhiều tình cảm, giàu lòng thương và có hậu. Nhân vật của tác giả nam cũng như nữ, lãng xăng đi tìm một tình yêu, một sự âu yếm, một tâm hồn đồng điệu. một hạnh phúc. Có khi tìm được có khi không, có khi không có kết thúc. Và người đọc được mời tham dự vẽ ra đoạn cuối. Cám ơn tác giả đã có một ý nghĩ âu yếm về phái nữ: “Tôi nghĩ trên đời này không có người đàn bà nào xấu cả, chỉ có những người đàn ông không biết mỗi người đàn bà đẹp ở chỗ nào mà thôi.” -- *Kiệt Tấn* (Trích *Bạt - Tập truyện Dì Thu*)

“Gần nửa thế kỷ. Có vẻ như vị y sĩ oai phong áo hoa mũ đỏ ngày xưa và bức chân dung tác giả bây giờ chả liên hệ gì với nhau. Nhưng tôi lại nghĩ ngay, có đấy. Tuy thời gian đã làm thay đổi hình hài, quy luật chung mà, song mãi mãi vẫn bất biến những đam mê, nhất là văn chương nghệ thuật. Mai sau người ta có thể không còn nhớ bác sĩ Lê Văn Châu nhưng chắc chắn nhà văn Trang Châu sẽ còn đó, trong dòng chảy của văn học Việt.” -- *Khánh Trường* (Trích lời giới thiệu trang bìa sau tập truyện *Người Ăn Trưa Trong Xe*)

“Muốn sử dụng chất liệu tầm thường để tạo ra những truyện ngắn hấp dẫn, người viết cần phải có một tâm hồn nhạy cảm, một khả năng quan sát tinh tường, cộng thêm với óc sáng tạo và tài năng pha trộn thực kiện với hư cấu. Qua những loạt truyện ngắn mới nhất Trang Châu tỏ ra đáp ứng được những đòi hỏi vừa kể. Tài khéo léo nơi ngọn bút Trang Châu được thể hiện rõ nhất khi anh mô tả các nhân vật trong truyện. Chỉ vài ba nét phác họa, anh đã khiến độc giả hình dung ra được khuôn mặt, dáng vẻ, lời nói, cử chỉ và ngay cả tính tình người anh muốn giới thiệu. Một đặc điểm khác trong cách hành văn của Trang Châu là tính chất dễ dàng thoải mái, không gò bó điệu đà.” -- Lê Văn (Trích Bạt - Tập truyện *Người Ăn Trưa Trong Xe*).

Nếu có ai nhắc đến tên Trang Châu, tôi mong được cảm thông về con người của tôi, con người như nhà văn Võ Kỳ Điền từng nhận xét: “lúc nào cũng muốn làm một cái gì”. Và cái gì tôi muốn làm đó thường không phải là cái được đa số chọn làm. Có thể vì ngoài hai chữ y sĩ, tôi còn đeo thêm hai chữ nghệ sĩ, nhất là khi hai chữ sau nằm trong tim nhiều hơn ở trong đầu.

*TTNM: Chân thành cảm ơn anh Trang Châu đã dành cho Nguyệt Mai một cuộc trò chuyện thật thú vị. Kính chúc anh luôn được vui khỏe, an lành và có nhiều hứng thú để tiếp tục sáng tác.*

**Trang Châu:** Cảm ơn Nguyệt Mai đã thực hiện phỏng vấn.

■ Thực hiện 22/3/2026 – 11/4/2026

\* Nguyệt san Tình Thương (1964 – 1966) do nhà văn Trần Hoài Thư sưu tập  
<https://tranhoaitu42.com/2021/05/17/nguyet-san-tinh-thuong-tai-chinh-trang/>

**HÌNH ẢNH NHÀ THƠ TRẠNG CHÂU  
THEO DÒNG THỜI GIAN**



Hình chụp năm 1995



Hình chụp năm 2018.



Ông bà Trang Châu (2019)

## TRANG CHÂU & BẠN BÈ



Từ trái: Võ Kỳ Điền, Nguyễn Đông Ngạc, Song Thao,  
Lê Tấn Lộc, Trang Châu, (Montréal, 1992)



Hình chụp năm 1996

- Ngồi (từ trái sang): Nguyễn Hữu Chung – Trang Châu  
- Đứng (từ trái sang): Luân Hoán - Tô Thùy Yên - Phan Ni Tấn - Trần Hoài Thư - Song Thao



Từ trái: Phan Ni Tấn – Hồ Đình Nghiêm – Trang Châu – Du Tử Lê –  
Hoàng Xuân Sơn – Lưu Nguyễn – Luân Hoán –  
Bùi Bảo Trúc – Song Thao (Montreal, 1997)



Hàng đứng: Vợ chồng Nguyễn Vy Khanh, hai con trai của Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn  
Xuân Hoàng (đã mất), Song Thao.

Hàng ngồi: Vợ chồng Trương Kỳ (TK đã mất), Trang Châu, Lưu Nguyễn, Bắc Phong.  
(Montréal, tháng 9/2003).



Từ trái qua – Hàng ngồi: Hoàng Xuân Sơn, Song Thao, Trang Châu.  
Hàng đứng: Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn (2009)



Từ trái: Trần Doãn Nho, Trang Châu, Luân Hoán, Lâm Chương.



Từ trái: Song Thao, Trang Châu, Võ Kỳ Điền,  
Lưu Nguyễn, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán – Montréal 24.5.2022



Trang Châu (người thứ hai từ phải) và nhóm bạn tennis (tháng 12/2025)

\*\*\*

## PHỤ LỤC

### NHỮNG SÁNG TÁC CỦA TRANG CHÂU

#### Buồn Một Phương

Thế giới của anh không có chân trời  
Không có mùa xuân lấy đâu hoa bướm  
Không bàn tay cho bàn tay hò hẹn  
Áo tím qua cầu nên cũng hết mùa thu  
Thế giới của anh không có nụ cười  
Không có người yêu lấy đâu tình tự  
Ghế đá không người cho công viên ủ rũ  
Thiếu mắt em buồn anh cũng bỏ làm thơ

Anh chỉ còn đêm trắng với đèn khuya  
Một ít tâm tư với nhiều thương nhớ  
Với đại lộ dài trong hồn bỏ ngõ  
Anh một mình nghe ngày tháng trôi mau  
Đã từng đêm anh lặng lẽ cúi đầu  
Xin Thượng Đế ban cho hồn thắm lại  
Cho anh được yêu bằng con tim mới  
Cho màu xanh về với đáy mắt trong  
Để thế giới anh dậy má ai hồng  
Ai nũng nịu cho hai vòng tay khép  
Với gió băng khuâng, với hồn hoa đẹp  
Với mắt em buồn anh lại sẽ làm thơ

Nhưng người đi không đến nữa bao giờ  
Không có mùa xuân lấy đâu khai hội  
Một trăm lá thư không bằng lá thư không gửi  
Một trăm nụ cười không phải nụ cười xưa  
Anh chỉ còn chiều gió với đêm mưa  
Một thoáng dư hương với ngày tháng mất  
Thế giới của anh sâu hơn địa ngục

## Xuân Nhớ Bạn

Tao sẽ vui xuân cùng thiên hạ  
Dù Tết năm nay không có mào  
Nói rứa chứ mình tao cũng chán  
Thiếu mào rượu không đã cơn say

Bao năm rồi phải không mào nhỉ  
Hai đứa ôm chung giấc mộng đầy  
Cái thuở hồn đang non trẻ ấy  
Xem đời dễ như trở bàn tay  
Tao nhớ chúng mình say ngất ngưỡng  
Một đêm trừ tịch khói hương bay  
Văn chương chữ đồng qua thời thế  
Chính trị bàn từ Đông sang Tây  
Chán chê hai đứa kèn ra ngủ  
Sáng dậy thề nhau tao không say!

Một kỷ niệm xưa mào có nhớ  
Hai đứa yêu và đã đắm say  
Cô gái trước nhà căn gác trọ  
Nhìn mình đôi má đỏ hây hây  
Một dạo chúng mình tương tư quá:  
Tao làm thơ, mào hát suốt ngày!  
Bây giờ em đã lên bà lớn  
Con đứa tay bông, đứa dặt tay  
Mà mào vẫn còn lưu lạc đó  
Mà tao vẫn còn lất khất đây

Nhắc đôi kỷ niệm ngày xưa để  
Buồn cho thể sự của hôm nay  
Bao năm mơ ước chưa tròn ý  
Duyên chỉ thêm nhiều men đắng cay  
Đuổi đeo đeo đuổi trăm hình bóng  
Rút cuộc còn tao với một mào!

Đã hẹn xuân này ăn Tết muộn  
Chúc nhau nâng một cốc rượu đầy  
Những tưởng chông gai cùng sát cánh  
Nào ngờ thế nước bắt chia tay!  
Còn đâu những buổi sương chiều xuống  
Mưa lạnh, đường xa, gió heo may  
Bấm tay ngồi đếm ngày phiêu bạc  
Chợt thấy xuân về trên khóm cây

Mày vẫn âm thầm quê cũ sống  
Tao phải bôn ba đất nước này  
Cách sông, cách núi, lòng không cách  
Nhớ mày tao chỉ một cơn say  
Văn chương xứ Việt giờ chắc đất?  
Mấy mươi triệu kẻ đọc văn mày?  
Văn mày còn như văn ngày trước:  
Giọng cười pha lẫn ý chua cay?

Tao ở bên này xem tuyết trắng  
Thơ lòng một cõi tha hồ hay  
Thơ hay khốn nỗi không người đọc  
Nhìn tóc hoe vàng nhớ tóc mây

Tao sẽ vui xuân cùng thiên hạ  
Dù Tết năm nay không có mày  
Nói rứa chứ mình tao cũng chán  
Rượu buồn thiếu bạn uống không say.

•

## **Dặn Con Khi Khôn Lớn**

Ngày ra đi cha ẵm trên tay  
Con mới khôn ba tháng một ngày  
Con không biết nhà tan nước mất  
Không biết mình sao lạc phương Tây

Con lớn lên quê người ấm no  
Đất yên vui tươi thắm bốn mùa  
Con đâu biết quê mình gấm vóc  
Chỉ nghèo hèn từ độ can qua

Con sống đời bình đẳng tự do  
Tâm trí con không ngại không ngờ  
Con đâu biết tự do, bình đẳng  
Ở xứ mình như nắng chiều mưa

Con có quyền mong, có quyền chờ  
Có quyền rất thực, có quyền thơ  
Con đâu biết những gì con hưởng  
Là những gì đất nước đang mơ

Tên con cha phải đặt thêm tên  
Cho người dễ gọi, người nghe quen  
Nhưng con nhớ: người, người ta trọng  
Là người không chối bỏ tổ tiên

Con hãy là gương sáng cần cù  
Hãy là khiêm nhượng, hãy là nhu  
Nhưng con phải giữ niềm kiêu hãnh  
Làm người thua thiệt có suy tư

Nơi chốn ganh đua để sống còn  
Trường đời con hãy nhớ luôn luôn  
Thù con chưa chắc thù của bạn  
Bạn bạn con chưa hẳn bạn con

Nếu con thấy đêm đen mịt mù  
Con đừng ngồi đó để mong trăng  
Đừng ngồi đó chờ ai nhóm lửa  
Tự đốt con ơi, ngọn nến hồng  
(1985)

•

## Đôi Lòng

Em đẹp như vàng trăng tuổi thơ  
Tóc em là gợn sóng mong chờ  
Tình anh, cánh lá run đầu gió  
Có lạnh hồn em giữa giấc mơ?

Em là nắng ấm, anh là mây  
Mây sa, nắng đọng trời xuân này  
Đôi lòng, một thoáng cười trong mắt  
Là biết tình vương theo áo bay

Anh là biển cả, em là sông  
Sông xuôi về biển ngọt đôi dòng  
Anh lùa nắng ấm lên bờ mộng  
Để muối tình ta thêm mặn nồng

Tạ ơn đời cho ta bể dâu  
Phím ngà còn đợi ngón tay châu  
Anh nghe cả tiếng thầm em gọi  
Hiểu vạ lời nhau trong ý nhau

\*\*\*

## DÌ THU

Đang chân trong chân ngoài ở bồn tắm thì điện thoại reo bên phòng ngủ. Nước thấm vào lòng bàn chân, truyền hơi ấm lên khắp châu thân, làm tôi chỉ muốn trằm mình dưới lớp nước nóng, để nghe cơ thể êm giãn ra sau một ngày làm việc. Nhưng tôi sức nhớ mình đang chờ điện thoại của Phương. Rút chân khỏi bồn nước, tôi giẫm giẫm lòng bàn chân ướt lên tấm khăn lót dưới sàn cho khô, vói tay lấy chiếc khăn lông màu huyết dụ mắc ở móc, quần ngang hông, mở cửa phòng tắm, bước mau vào phòng ngủ.

- Allo.

Tiếng gió trong ống nghe cho tôi đoán là một đường dây viễn liên. Tôi hơi ngạc nhiên. Ai gọi viễn liên cho mình giờ này? Thường thường những cú điện thoại viễn liên gọi đi hay nhận được từ mấy người bạn thân đều được gọi sau 12 giờ đêm cho đỡ tốn kém. Bây giờ mới 5 giờ chiều.

- Hello. Có phải nhà cậu Quang không?

Tiếng đầu dây bên kia là một giọng đàn bà. Tôi không nhận ra ngay là ai. Chỉ nghe như là giọng Huế.

- Dạ phải. Tôi là Quang đây. Xin lỗi, ai đầu dây?

Có tiếng cười khanh khách.

- Quang đó hả? Dì đây! Có nhận ra dì không?

Dì? Trong thân quyến của tôi hiện không còn người nào tôi gọi bằng dì cả. Tôi phân vân chưa biết trả lời sao. Giọng cười khanh khách hình như đã vang lên trong tâm trí tôi đâu đó một lần trong đời mình, nhưng có lẽ khá xa xôi nên nghe quen quen một cách mơ hồ.

- Dạ, nghe giọng... dì quen nhưng Quang không nhớ được tên dì.

Tôi nghe lòng mình bồn chồn. Giọng cười như mỗi lúc một quen thuộc hơn, gần gũi hơn. Trong đầu tôi quay ngược một khúc phim dĩ vãng. Năm năm? Không, xa hơn. Mười năm? Không, còn xa hơn nữa. Mười lăm năm? Có thể. Vâng, tiếng cười lạnh lạnh kia lơ lửng đâu đó trong khoảng thời gian trên.

Giọng người đàn bà đầu dây bên kia như thách đố:

- Quang ráng nhớ đi. Không nhớ ra là tệ lắm nghe chưa. Hư nữa!

Tôi buột miệng kêu:

- Dì Thu! Có phải dì là Dì Thu không?

- Giải! Xa cách lâu ngày mà còn nhận ra dì là dì vui rồi. Quang rứa là không tệ.

Cái lối nói chuyện coi tôi như con nít giúp tôi nhớ lại tên dì. Dì Thu! Đúng là dì Thu.

Tiếng cười lạnh lạnh cũng đã giúp tôi định lại được thời gian, không gian và con người từng cho tôi một kỷ niệm.

Tiếng dì vui vẻ:

- Quang dạo ni ra răng? Vợ con chi chưa?

- Vẫn cứ lêu bêu, độc thân nhưng không vui tính lắm. Mà dì đang ở đâu đó? Ai cho dì số *phone* của Quang vậy?

- Dì còn biết cả địa chỉ chỗ ở của Quang nữa. Rứa mới tài. Người ta thương người ta mới kiếm chớ có mô bạ ai cũng kiếm. Dì đang ở Houston, nóng như mùa hè ở Huế mình rứa. Chỉ thiếu có phượng. Quang còn nhớ hai cây phượng trước nhà cô Kim không? Đỏ ời là đỏ! Bên ni chỉ có nắng, có nóng mà không có phượng nên làm chi có mùa hè. Thiếu phượng mùa hè mất vui, như đời... thiếu Quang! Ha! Ha! Quang có nhớ dì nói với Quang như rứa ở mô không? Dì thì dì nhớ cái cười mím chi của Quang, cái cười thiệt dễ ghét nhưng mà dì, dì lại thương. Dì còn nhớ Quang nói với dì về phượng: "*Phượng không đẹp, phượng không thơm nhưng phượng đỏ và phượng nhiều*".\* Quang nói là văn của một ông thi sĩ lãng mạn nào đó viết và dì đã nói với Quang: "*Dì là mùa hè, Quang là phượng, phượng của dì không những đỏ, nhiều mà còn đẹp, thơm nữa. Nghĩa là hơn phượng của ông thi sĩ lãng mạn của Quang xa*." Dì còn nhớ hôm đó dì nói với Quang nhiều lắm nhưng Quang ngủ mất đất thành ra có lúc dì nói một mình. Quang thấy chưa, dì có trí nhớ dai chi lạ!

Cả một dĩ vãng hiện trở về. Năm đó tôi vừa học hết năm thứ ba trường thuốc, từ Sài Gòn về Huế nghỉ hè một tháng. Tôi ở nhà cô tôi, cô Kim mà dì Thu vừa mới nhắc. Dượng tôi có họ xa gần với một cặp vợ chồng người Pháp già. Khi về nước họ để lại ngôi biệt thự cho cô dượng tôi, cho hay bán rẻ tôi không rõ. Tôi chỉ nhớ ngôi nhà, có tường vôi trắng, cửa sổ sơn màu xanh lá cây, nằm chính giữa một khu vườn rộng mênh mông, có song sắt bao quanh ba mặt: mặt trước, mặt sau và mặt trái. Mặt phải giáp bờ sông An Cựu, có rặng tre xanh mọc san sát làm thành một hàng rào kiên cố. Từ cổng đi vào nhà xa cũng đến năm mươi thước. Hai cây phượng lớn nhất khoảng đường nhựa chạy ngang nhà cô tôi, trổ hai bên cổng. Mùa hè, cổng vào rực một màu đỏ ối trên cành cây lẫn mặt đường. Những tàn cây xương xương cũng ráng trải một lớp bóng im lưa thưa, tạm đủ cho các bác đập xích lô hay mấy chị bán hàng rong ngồi nghỉ chân tránh nắng hay chờ khách. Vườn nhà cô tôi trồng toàn cây ăn trái: Mãng cụt, ổi, mít, vú sữa, đu đủ, nhãn, thanh trà. Cây cối um tùm với trái cây đủ loại như thế nên vườn lúc nào cũng đầy tiếng chim. Mặt giáp sông, nằm phía dưới là một bến đá với năm bậc thềm. Tắm và câu cá không nơi nào lý tưởng bằng cái bến ấy, suốt khúc sông An Cựu từ nhà ga đến Bến Ngự. Thử tưởng tượng tôi ở vào lứa tuổi 9, 10 lọt được vào đó để vùng vẫy thì sung sướng biết bao nhiêu! Tiếc thay khi cô tôi "tiếp thu" ngôi biệt thự, tôi không còn ở lứa tuổi chỉ biết câu cá, bắn chim, ăn trái cây đến đau bụng nữa. Tôi lúc ấy chỉ thích ngồi viết thư tình, làm thơ tình hay đi "nghề", nghĩa là đi ngắm các nữ sinh trường Đồng Khánh tan trường về. Tôi đã sống rất mơ trong khung cảnh rất mộng ấy. Nhưng mỗi tình đầu tan vỡ, Cúc đi lấy chồng, nàng mang theo

hết những gì đẹp, thơ của Huế trong tôi. Tôi chẳng còn gì để tin yêu nên cũng không còn gì để quyến luyến. Cho nên chuyến trở về Huế lần này lòng tôi dửng dưng. Sự chăm sóc pha chút hãnh diện “có thằng cháu sắp ra bác sĩ” của cô tôi làm tôi đâm ra hơi tự kiêu. Mấy ngày sau khi tôi về, số bạn gái của Bích, con gái lớn của cô tôi, bỗng nhiên đông hẳn lên. Đến thăm Bích nhưng tôi biết kỳ thực là để nhìn “dung nhan” ông anh họ của Bích, học trường thuốc ở Sài Gòn mới về. Trong đám tôi chú ý một cô vừa xinh đẹp vừa có cái tên hiếm nghe: Tao Phùng. Tôi nhớ Tao Phùng hơn Cúc mỗi thứ một chút, như cao hơn một chút, đôi mắt long lanh hơn một chút, nụ cười kín đáo hơn một chút. Không biết hơn một chút là do cái nhìn chủ quan của tôi muốn rằng người thế chỗ Cúc phải hơn Cúc về mọi mặt hay quả thật Tao Phùng hơn Cúc mỗi thứ một chút. Bích rõ chuyện tôi và Cúc nên nói vô cho bạn mình:

- Trong mấy đứa bạn của em, em chấm con Tao Phùng. Nó xứng với anh nhất. Đẹp hơn chị Thu Cúc của anh trước xa. Anh chịu thì mời em đi ăn bánh bèo Vỹ Dạ đi, em sẽ dẫn nó đi cùng. Anh biết nó nói chi về anh không?

Tôi hỏi đùa:

- O nó chê gì anh?

Bích nguyệt tôi:

- Xì, người ta khen, anh lại nói chê, nó nghe nó giận cho bây giờ. Nè, nghe em lặp lại những lời nó khen anh đây này: anh đẹp trai, anh học giỏi, anh ăn nói có duyên, chỉ phải có một cái tội...

- Tội gì?

- Tội hay giận. Nó nói làm “em” ông anh mà phải khéo chiều lắm.

Tôi hơi giật mình. Cúc cũng thường trách tôi con trai gì mà hay giận, phật ý một chút là giận. Đàn bà sao người nào cũng tinh ý giống nhau thế!

Tôi lý luận với Bích:

- Anh hay giận là tại tính anh tế nhị. Khi mình tế nhị với ai mình cũng muốn người đó tế nhị lại với mình. Nói chuyện với một kẻ thiếu tế nhị là một cực hình. Gặp trường hợp đó, anh hay nói gần nói xa để cho họ hiểu. Và có người lại cho anh hay hờn mát.

Thấy tôi gay gắt, Bích phân bua:

- Ấy! Ấy! Đừng giận luôn cả em đó nghe. Không ai ủi quần áo cho mô.

Tôi thấy mình vô lý với Bích thật. Bích có làm gì nên tội trong việc tôi khó chịu vì Tao Phùng nhận xét tôi giống như Cúc đã nhận xét tôi. Tôi pha trò để làm hòa:

- Khi nào anh rủ em đi ăn là anh giận, còn không rủ là không giận. Vậy em muốn anh giận hay không?

- Rứa cứ giận em hoài đi, càng giận em càng khoái!

- Chiều nay anh rủ em đi ăn bánh bèo Tây Thượng. Giận nhiều thì được ăn nhiều, giận ít thì ăn ít.

Tôi sống gần trọn tháng hè, vui vui với cô em họ và mấy cô bạn của Bích. Đi xem chiếu bóng, đi ăn quà. Bích hơi thất vọng vì tôi không tỏ ra hứa hẹn gì với Tao Phùng cả. Cúc đã thật sự giết chết Huế trong tôi. Huế là Cúc. Cúc không còn là gì của tôi nữa thì Huế cũng không còn gì nữa trong tôi. Tôi là thứ dân Huế mất gốc rồi. Tôi nghĩ thế và nghe một chút gì đau nhói trong lòng.

Một buổi trưa trời nóng đến nung người, cây im phăng phắc. Tôi tắm hàng giờ dưới bến không muốn lên. Tiếng ve kêu ra rả như um nóng thêm khí trời. Mốt là tôi từ già Huế rồi. Tôi mong sớm được vớt trả về Sài Gòn, để sống lại cái không khí náo nhiệt về đêm quen thuộc với tôi hơn.

- Anh Quang tắm chi mà tắm lâu dữ rứa, đục hết nước sông của người ta rồi. Lên ngay, có người tới thăm.

- Ai vậy?

- Dì Thu.

- Dì Thu nào?

- Quen với má em. Dì biết anh mà. Thôi lên mau đi. Có gánh hàng bán bánh nậm, bánh bèo, bánh canh ngon lắm. Má đợi anh lên ăn cùng. Mốt vô Sài Gòn kiếm đồ ăn Huế thiệt là Huế không ra mô.

Tôi bơi vô bờ, leo lên bến đá, lấy khăn vò tóc, lau khô mình xong vắt khăn lên vai rồi thủng thỉnh bước theo Bích. Cô tôi đang ngồi ở cái bàn gỗ đặt dưới gốc cây vú sữa. Người đàn bà ngồi quay lưng lại với tôi, tôi chỉ thấy màu thiên thanh của cái lưng thon. Bà bán hàng ngồi trên chiếc đôn nhỏ, tay phe phẩy chiếc nón làm quạt.

Tôi nói với Bích:

- Em ra ngồi trước đi, anh đi thay quần áo, năm phút thôi.

Tôi thay quần áo, soi gương chải đầu cẩn thận rồi mới rời phòng đi về phía cây vú sữa. Cô tôi nhìn thấy tôi, khều tay người đàn bà và nói:

- Quang đó kìa. Mụ coi có lớn không?

Người đàn bà quay mặt lại, nhìn tôi cười rất tươi:

- Trời! Oai ghê chưa! Có nhớ dì không? Mới hồi mô còn tí xíu mà bây giờ lớn sầm sầm.

Tôi lúng túng:

- Dạ, cháu chưa nhớ ra... dì.

Cô tôi đỡ lời:

- Dì đây quen với cô và cũng quen với má cháu nữa. Hôm đám tang má cháu dì có đi và đứng cạnh cháu. Cháu còn nhỏ nên không nhớ đâu.

Tôi bỗng nhớ lúc hạ huyết quan tài mẹ tôi, tôi khóc ngất, nước mắt nước mũi chan hòa, có một người đàn bà ôm sát tôi vào lòng, lấy khăn lau nước mắt cho tôi từng chập. Người đàn bà đó bây giờ ngồi trước mặt tôi. Là dì Thu. Dì Thu không họ hàng gì bên ngoài của tôi cả. Tôi cũng không rõ tại sao cô tôi bảo Bích gọi bà bằng dì. Có lẽ để cho thân mật. Dì Thu quen biết mẹ tôi, cô tôi trong tình chị em buôn bán làm ăn. Nghe cô tôi nhắc đến mẹ tôi, dì Thu nhìn tôi, giọng trầm xuống:

- Giá chị ấy còn sống, thấy con sắp thành tài, chị sung sướng biết bao. Tội nghiệp, cực khổ một đời nuôi con ăn học.

Cô tôi đáp nhỏ:

- Chị ấy vẫn sống.

Tôi ngồi im. Thật tình tôi không muốn ai khơi lại chuyện buồn, không muốn ai nhắc đến cái chết sầu thảm của mẹ tôi. Cô tôi liếc nhìn tôi, thấy vẻ mặt đăm chiêu của tôi, liền quay sang nói với bà bán hàng:

- Chị Tư múc bánh canh ra là vừa, chày thêm cho bốn đĩa bánh bèo. Cháu Quang ăn bánh nậm nữa nhé. Món nào chị Tư làm ăn cũng vừa miệng hết.

Quay sang dì Thu, cô tôi hỏi:

- Mụ có thích chả tôm không? Làm một đĩa nghe.

Dì Thu xua tay từ chối:

- Thôi, chị đừng kêu nhiều quá. Em xin một chén bánh canh là đủ rồi.

Dì Thu ngó tôi:

- Quang thì ăn phải khoẻ lắm, thanh niên mà.

Rồi nói với cô tôi:

- Xin chị hôm nay cho em đi Quang.

Đến phiên cô tôi phản đối:

- Mụ đừng thắc mắc, đâu có bao nhiêu. Với lại một cháu Quang về lại Sài Gòn rồi.

Dì Thu tròn mắt:

- Một Quang về rồi à? Ra hồi mô mà vô liền rứa?

Bích đáp trước tôi:

- Gần cả tháng nay rồi dì. Anh phải về để đi trực nhà thương.

Dì Thu cắn môi ra vẻ suy nghĩ rồi nói với tôi:

- Tối ni Quang xuống nhà dì ăn cơm đi. Cho biết nhà luôn thể.

Tôi thấy cô tôi thoáng nhú mày. Tôi hưởng ứng ngay:

- Vâng, tối nay cháu sẽ ghé nhà dì cho biết.

Dì Thu lộ nét vui ra mặt. Bây giờ tôi mới kín đáo quan sát dì. Tôi đoán dì chừng 32, 33 tuổi. Mặt dì hao hao giống cô đào chiếu bóng Sophia Loren, nghĩa là nước da nâu nâu, đôi mắt to, cái miệng rộng nhưng môi đầy, đặc biệt hàm răng trắng đều và bộ ngực nẩy nở. Dì Thu bắt gặp cái nhìn chăm chú của tôi, dì quay mặt nhìn đi nơi khác, miệng chum một nụ cười.

Ăn xong chén bánh canh, dì Thu nói với cô tôi phải đi công chuyện. Trước khi đi, dì thân mật nín vai tôi thì thầm:

- Tối ni nhớ tới nhà dì nghe không? Vui lắm!

- Vâng, vâng cháu sẽ tới.

Khi bà Tư gánh gánh hàng ra tới cổng, cô tôi bình phẩm dì Thu liền:

- Mụ nó mở *bar* bán cho lính Mỹ, có tiền. Nhưng ở đây nghề nó tai tiếng lắm. Đời sống mụ cũng long đong. Chồng mụ bỏ mụ đi ở với vợ bé mấy năm rồi. Mới đây thấy mụ có tiền mò về xin làm lãnh bị mụ đuổi. Từ ngày có tiền người ngợm mụ trông lại được ra. Cặp bồ lung tung. Mụ nó bây giờ như con ngựa lồng.

Bây giờ thì tôi hiểu cái nhú mày của cô tôi khi cô nghe dì Thu mời tôi tới nhà ăn cơm. Cô tôi không đả động gì đến chuyện mời nhưng tôi biết cô ngầm dặn tôi phải đề cao cảnh giác. Cô tôi coi sự có mặt của tôi ở Huế như một chuyến về tìm ý trung nhân. Trước khi về Huế tôi có gửi cho Bích một lá thư, trong thư tôi viết nửa đùa nửa thật: *“Em xem có cô nào đẹp, ngoan giới thiệu cho anh một cô. Phải hơn chị Thu Cúc về mọi mặt anh mới chịu đó.”*

Trong số 7, 8 cô bạn lui tới với Bích tôi chấm 3 cô: Thủy Tiên, Phương Thảo và Tao Phùng. Tao Phùng được cả Bích lẫn cô tôi hỗ trợ. Bích hỏi tôi có hứa hẹn gì với Tao Phùng trước khi trở vào Sài Gòn không? Tôi trả lời Bích một cách mập mờ:

- Tao Phùng quá đẹp đối với anh.

Bích cười:

- Con Tao Phùng nó lại nói nó sợ anh ở Sài Gòn lâu năm văn minh quá đi nên về Huế thấy gái Huế nhà quê.

Rồi Bích hạ giọng, nói vừa đủ cho tôi nghe:

- Em biết anh chưa muốn chọn ai vì anh còn thương chị Thu Cúc.

Tôi chống chế:

- Thương cái nỗi gì! Người ta có chồng có con rồi.

Bích lườm tôi:

- Thôi đi anh, em đi guốc trong bụng anh mà. Anh còn thương chị Cúc vì anh biết chị Cúc tuy đi lấy chồng nhưng vẫn còn thương anh. Em biết nếu mẹ chị ấy không mất bất thành linh, chị không phải vào Nha Trang ở với ba chị, thì hai người giờ này đã lấy nhau rồi. Em còn biết anh ở Sài Gòn hư lắm, tối nào cũng đi nhảy đầm với vũ nữ không à!

- Em nghe báo cáo tầm bậy, anh lo học hành chết bỏ, thì giờ đâu mà ăn chơi.

Bích không tổ thêm tôi nữa, nói như để kết thúc một vấn đề:

- Thôi được vụ Tao Phùng để đó. Anh vào Sài Gòn một thời gian thấy không ai hơn nó thì cho em hay. Nhưng em nói trước người ta là con nhà lành, đã tiến là không có lùi, nghe không ông anh quý!

Tôi cũng trả lời Bích, kết thúc phần tôi:

- Nói thiệt với em, bây giờ sao anh ngại chuyện tình cảm đứng đắn quá. Anh đã một lần đứng đắn rồi mà chẳng đi tới đâu. Nói chẳng đi tới đâu cũng không đúng, người ta tới bến thật chỉ có anh là chưa tới bờ thôi. Bây giờ anh thích lênh đênh hơn. Nhưng mà, như em cũng biết, làm sao lênh đênh hoài được. Cũng có ngày anh xin cập bến, chừng đó anh sẽ nhờ em lo liệu.

Bích giơ hai tay lên trời:

- Lúc đó đám bạn em tay bế, tay bồng cả rồi, còn ai mô nữa mà giới thiệu cho anh!

\*\*\*

Tôi gõ cửa nhà dì Thu đúng 7 giờ tối. Dì ra mở cửa với một nụ cười rạng rỡ, rồi đứng nép sang một bên và nói:

- Cậu khách quý vào đây.

Dì Thu đã thay chiếc áo màu thiên thanh ban trưa bằng một chiếc áo dài lụa trắng, vạt trước có hình vẽ một con công màu xanh đậm với những đốm vàng đốm đen. Dì trông có vẻ cao hơn lúc trưa. Tôi nhìn xuống chân dì thấy dì mang một đôi giày gót rất cao cũng màu trắng. Thấy tôi chăm chú nhìn, dì nói như để giải thích:

- Dì mang giày gót cao vì Mỹ nó lớn con lắm. Tiếp chuyện cứ bắt chúng nó cúi người hoài mỗi lưng tội nghiệp. Chủ *bar* thì chủ *bar* chứ mình là dân Huế phải ăn mặc đàng hoàng cho người ta nể. Quang thấy dì ăn mặc như ri có được không?

- Đẹp, cả người lẫn áo.

- Nịnh đầm giỏi a!

Vừa nói bàn tay phải dì bóp mạnh cánh tay trái của tôi, hai ngón tay của bàn tay kia véo nhẹ má tôi:

- Quang dễ thương lắm, giống má như đúc.

Tôi không hiểu dì muốn nói tôi giống mẹ tôi về hình dáng hay về tính tình nhưng tôi nghe êm ái trong lòng. Bất cứ ai nói về mẹ tôi bằng những lời tốt đẹp mà tôi nghĩ là chân thành đều mang cho tôi cảm giác êm dịu đó. Tôi thấy dì Thu như đẹp hẳn lên. Tự nhiên tiếng tiếu sao không gặp dì sớm hơn.

- Quang uống được rượu mạnh không?

- Nếu dì uống thì Quang uống.

- Điều kiện khó dữ a! Ừ, dì cũng uống nếu Quang uống. Tối ni mình say say cho vui.

- Quán của dì ở đâu?

- Ngay bên cạnh. Dì ngăn đôi nhà ra, nửa làm quán, nửa ở. 9 giờ tối mới mở cửa. Ngày thường đến 12 giờ đêm, cuối tuần có khi đến 2, 3 giờ sáng.

- Có khách Việt Nam không?

- Thiếu gì, đa số là quân nhân. *Bar* chỉ sống với nhà binh thôi. Huế mà, còn e lệ lắm. Thôi để dì dọn cơm ăn. Cơm xoàng thôi nghe Quang: Có canh bí đao, có cá bống kho tiêu, có gà xé phay và... và... có dì!

Dì cười vang rồi hỏi tôi:

- Đủ ngon chưa?

Tôi nhìn dì cười mím chi và gật đầu. Dì mang ra một chai *Martell* còn nguyên và hai chai *Perrier* nhỏ.

- Dì thỉnh thoảng uống *Martell* pha với *Perrier*. Quang có thích uống như dì hay uống *sec*?

- Quang uống như dì.

Dì đưa chai *Martell* cho tôi mở còn dì lo bỏ nước đá vào ly. Tôi rót rượu vào hai cái ly, dì pha thêm *Perrier* đến gần đầy ly, chỉ còn thoáng một màu vàng nhạt. Dì nâng ly cùng ly tôi:

- Mừng Quang.

- Mừng dì.

Ăn xong một chén cơm, tôi mới hỏi:

- Dượng và mấy em mấy giờ mới về?

- Dượng có vợ bé rồi, dì cho đi luôn. Con Trâm và thằng Quý đi Đà Nẵng chơi tuần sau mới về. Nhà chỉ có mình dì và chị người làm. Nấu ăn xong dì cho chị về. Hôm nay đặc biệt.

Dì lại cười sau câu nói và nheo mắt nhìn tôi.

- Chắc trong đám nhà binh nhiều tay trồng cây si dì lắm.

- Cũng có vài tay. Mình xã giao thôi để làm ăn. Dì thích ở như ri hơn, không phiền ai mà cũng không để ai phiền mình.

- Và mình thích ai là mình có quyền thích.

- Như tối ni có Quang là vui rồi.

Dì vừa nói vừa đưa năm ngón tay trái cấu nhẹ vào lưng bàn tay phải của tôi đang cầm ly rượu định đưa lên nhấp một hớp.

- Quang dễ thương lắm, dì thương cái dễ thương nó.

Tôi cười điềm điềm:

- Quang dễ thương ở chỗ nào?

- Dễ thương ở chỗ mắt giống má mà tính tình cũng giống má. Dì thương má Quang vô cùng.

Rồi như sợ lời vừa nói làm cho không khí buồn đi, dì lại với tay qua béo má tôi và thì thầm:

- Trước thương mẹ, bây giờ thương con. Hồi trưa dì thấy là dì thương liền. Tội!

Buổi ăn tiếp tục vui vẻ. Dì hỏi tôi về Sài Gòn, về những *bar*, những vũ trường. Dì nói thế nào dì cũng đi Sài Gòn một chuyến. Tôi nghĩ Sài Gòn chắc sẽ thích hợp với con người phóng khoáng của dì.

- Quang nhảy đầm giỏi lắm phải không?

- Cũng biết chút chút để xã giao.

- Xạo, dì nghe nói Quang khét tiếng ở Sài Gòn. Hôm nào dì vào đưa dì đi nhảy đầm nghe không. Nhảy với Quang chắc thích lắm. Quang ưa nhảy điệu chi nhất? Dì ưa nhảy *tango*.

- Quang thích nhảy *valse*.

- *Valse* quay khó và dễ bị chóng mặt, dì nhảy điệu nó không được. Nhảy *tango* bước điu đặt, ôm sát nhau, nhất là ôm người mình thích, sướng lắm!

Có tiếng gõ cửa. Dì buông đũa, hóp một hóp rượu, lấy khăn lau miệng, nhìn đồng hồ rồi nói với tôi:

- Tụi nhỏ tới, đến giờ mở cửa. Chờ dì một chút.

Tôi đã ăn xong nhưng chưa tráng miệng. Tôi cũng đứng dậy xin phép về để đi làm việc. Dì la lên:

- Không được, ở lại với dì một chút đã.

Năm cô gái, phấn son loè loẹt, váy ngắn trên đầu gối, ồn ào bước vào. Thấy tôi tiếng cười nói đứt ngang, tiếp theo là những cặp mắt dò xét. Dì giới thiệu:

- Quang, cháu của chị, sinh viên ở Sài Gòn về nghỉ hè, ghé thăm chị. Các em đây làm việc với dì: Huệ, Phương, Yến, Liên, Chi. Mấy em qua tiệm mở đèn, vặn nhạc, chị sẽ qua sau.

Bấy giờ các cô vui vẻ chào tôi, mở cửa kéo nhau sang quán. Dì đẩy tôi ngồi lại xuống ghế.

- Để dì lấy nhãn lồng ăn tráng miệng, nhãn này ngọt lắm, hột lại nhỏ. Ở chơi với dì một chút, mốt Quang vào lại Sài Gòn rồi.

- Nhưng dì phải qua trông tiệm.

- Thì Quang qua ngồi chơi luôn, nghe nhạc, có mấy em tiếp chuyện.

- Quang sợ cây si của mấy cô và của dì đánh Quang vỡ đầu.

Di Thu làm như không nghe lời tôi, lựa trong chùm nhãn, bứt trái to nhất bóc vỏ, lấy hạt rồi đưa ngang trước mặt tôi:

- Trái này to, ngọt lắm, há miệng đi đút cho.

Di ấn trái nhãn vào miệng tôi. Chết ngọt lịm thấm trên đầu lưỡi. Di nhìn tôi cười bằng mắt, mặt di hồng lên. Tôi nghe tim mình đập mạnh. Tôi hỏi di nửa nghiêm trang nửa làm nũng:

- Di xem Quang người lớn hay con nít?

- Di xem Quang vừa con nít vừa người lớn. Nãy giờ là con nít, bây giờ Quang muốn đi xem là người lớn không?

- Muốn chứ, Quang muốn đi xem Quang như người lớn vì Quang là người lớn.

- Rứa tối ni “người lớn” Quang ở lại đây với di.

Tôi nhận lời một cách gián tiếp:

- Để Quang đi chơi lòng vòng, khuya Quang sẽ trở lui. Mấy giờ đi đóng cửa?

- Một giờ sáng là cùng. Ừ, Quang tính rứa cũng hay. Lấy xích lô qua phố chơi đi. Khuya trở về đây, đừng đi luôn mà di giận đó nghe.

Khi đưa tôi ra cửa, di ôm tôi hôn phớt lên môi. Tôi thả bộ một quãng. 9 giờ tối trời vẫn còn lờ mờ sáng, những ngọn đèn đường chưa làm rõ bóng đêm. Tôi vẫy tay gọi một chiếc xích lô. Ngồi lên xe, tôi vẽ một lộ trình cho người đạp xe đứng tuổi:

- Bác đưa tôi xuống Bến Ngự, đi hết con đường Trần Thúc Nhẫn, xong đưa tôi qua phố.

Tôi muốn nghĩ đến Cúc, có thể là lần cuối. Bích nó đi guốc trong bụng tôi thật: Tôi vẫn chưa quên được Cúc dù buổi ăn tối với di Thu có mang cho tôi một niềm vui khó tả, nó mơ hồ như là Huế vẫn còn nét dễ thương.

- Đường Trần Thúc Nhẫn đây rồi cậu.

- Bác đạp chậm chậm cho, tôi muốn tìm nhà một người quen.

- Dạ số mấy?

- Số 3.

- À, rứa là cuối đường. Cậu vào trong có lâu không?

- Tôi không vào, nhà bây giờ người khác ở rồi, chỉ muốn xem bên ngoài có gì thay đổi không thôi.

Tôi biết ngôi nhà nằm ở cuối đường có hàng rào bằng cây tàu lá bao quanh. Một giàn mướp đặng nặng trĩu trái cây nằm bên hông nhà. Dưới giàn mướp, tường nhà lộ ra một vuông cửa sổ. Tôi không nhớ đã bao nhiêu lần đạp xe đạp ngang qua đó để mong nhìn thấy một mái tóc thề nghiêng nghiêng ngồi học. Hôm nào may mắn được nàng nhìn ra đúng vào lúc tôi đạp xe ngang qua, Cúc nhận ra tôi và mỉm cười, tôi sống phần ngày còn lại yêu đời ngây ngất. Ngôi nhà đó là nơi tôi gặp Cúc lần đầu khi Kha, anh nàng dẫn tôi đến giới thiệu.

- Số 3 đây rồi cậu.

Tôi ngồi im trên xe nhìn ngôi nhà. Không một chút thay đổi. Ánh sáng vẫn hắt từ vuông cửa sổ thân yêu xưa nhưng không có mái tóc thề nghiêng nghiêng nào ngồi nơi đó cả.

- Bác cho tôi qua phố.

Chiếc xe thông thả lướt qua đài Kỷ Niệm, trường Quốc Học, trường Đồng Khánh, đài phát thanh, cầu Tràng Tiễn. Qua đến hai phần ba cầu tôi đổi ý:

- Tôi không xuống phố nữa, bác đưa tôi lên Phú Vân Lâu.

Trả tiền bác xích lô xong, tôi đi ra bờ sông, ngồi xuống một ghế đá. Những chiếc đò đậu san sát nhau, mỗi khoang thuyền leo lét một ngọn đèn dầu. Huế của tôi đó. Từ khi chào đời cho đến khi biết yêu tôi chưa một lần muốn rời bỏ. Dù Huế có những tháng mưa dầm dề, có những chuỗi ngày nắng chói chang, tôi sống trong tình yêu nên thời tiết không ảnh hưởng. Bây giờ tôi trở về mong tìm lại chút êm đềm xưa. Nhưng hương vị Huế hôm nay, qua buổi cơm tối với dì Thu, cho tôi hình ảnh một Huế khác, không phải một Huế kín đáo, đoan trang, thùy mị mà một Huế sống thực và sống vội trong không khí chiến tranh.

- Cậu có muốn dùng đò ra giữa sông “hứng gió” không?

Tôi ngược nhìn: Một người đàn bà trạc bốn mươi, mặc chiếc áo cụt nâu, quần đen, cười cười gọi chuyện.

- Xin cảm ơn chị, tôi có hẹn.

Người đàn bà tiu nghỉu bỏ đi. Gió sông bắt đầu lạnh lạnh, bầu trời lấp lánh ánh sao. Một ánh sao băng, kéo dài một vệt sáng rồi lịm tắt. Một câu hỏi cũng vừa xẹt qua đầu tôi: Có nên trở lại nhà dì Thu không hay như thế đủ rồi? Nhưng câu hỏi, cũng như ánh sao băng, lịm tắt mau chóng. Trở lại nhà dì là điều hiển nhiên rồi vì tôi đã hứa. Và biết đâu sẽ là đêm vui duy nhất của tôi ở Huế lần trở lại này. Nhìn đồng hồ thấy cũng đã gần 12 giờ đêm, tôi đứng lên đi dọc theo bờ sông về hướng cầu Tràng Tiễn.

- Bờ không tới thì xuống đò ra “hứng gió” đi cậu nó ơi! Có người đẹp khác tiếp, ăn cần mà giá phải chăng nữa.

Giọng người đàn bà áo nâu, quần đen. Tôi làm thình, đổi hướng đi ra đường, gặp ngay bác xích lô hồi nãy. Tôi có cảm tưởng bác loanh quanh đâu đó để chờ tôi. Tôi ngồi lên xe, ngã lưng vào đệm sau. Bác ta đập một quăng rồi mới hỏi tôi:

- Cậu về lại chỗ cũ hỉ?

- Vâng.

- Hình như cậu ở mô xa về?

- Vâng, ở Sài Gòn.

- Hèn chi tui nghe giọng lơ lớ. Nghe nói trong nó đời sống dễ chịu lắm phải không cậu?

- Vâng, người trong Nam sống cởi mở, xuề xòa lắm.

- Biết khi mô tôi mới đi được một chuyến xem trong nó ra rãng. Ăn chơi tha hồ một tuần cho nó sướng cái cuộc đời.

- Tôi thấy Huế cũng vui chứ.

- Quê mình thì mình phải vui rồi nhưng sướng thì tui chưa thấy sướng.

Tôi ngẫm nghĩ lời bác xích lô và nghe nó hay hay. Vui mà không sướng. Vậy thì vui khác với sướng ở chỗ nào? Vui có vẻ tinh thần còn sướng có vẻ vật chất hơn chăng? Nghĩ đến dì Thu tôi thấy dường như giữa dì và tôi vui lẫn lộn cùng sướng.

Thấy tôi bước vào tiệm, dì Thu đang ngồi tiếp chuyện với hai người khách Việt Nam ở cuối phòng, đứng lên đi lại phía tôi. Quán còn cả chục người khách, phần đông là Mỹ. Tiếng nhạc vụn nhỏ chìm trong tiếng cười nói ồn ào. Dì kéo tôi đến ngồi ở một cái bàn trống, kề tai nói nhỏ:

- Quang ngồi đây để dì nói em Liên đem nước ngọt cho uống. Đừng uống rượu nữa, say. Dì phải lại tiếp chuyện hai tay kia, cóm đó, phải xã giao một chút. Chừng nửa giờ nữa đóng cửa, chừng đó chỉ còn hai dì cháu mình thôi.

Liên mang lại cho tôi một lon *coca* rồi hỏi có cần cô ngồi tiếp chuyện không. Tôi nói:

- Cô Liên đi tiếp mấy ông bạn đồng minh đi. Tôi là cây nhà lá vườn mà, cô khỏi lo.

Liên cười híp mắt, nói cảm ơn rồi trở lại quầy bá cổ một anh Mỹ cao lêu nghêu. Tôi hớp một ngụm nước, đặt lon *coca* lên bàn, tựa lưng vào chiếc ghế mây, lim dim rồi ngủ lúc nào không hay.

Khi dì Thu đánh thức tôi dậy, quán không còn một ai.

- Đóng cửa lâu chưa đi? Quang ngủ lúc nào không hay.
- Chừng mười lăm phút. Minh sang bên nhà đi, quán để đó ngày mai có người đến dọn dẹp. Quang đói không?
- Còn no lắm. Nhưng nóng ghê, Sài Gòn ban ngày cũng nóng nhưng ban đêm mát.
- Quang đi tắm cho mát, có lu nước sau hè.
- Nhưng Quang không mang theo...
- Thì tắm trường, xối năm ba gáo cho mát thôi mà.

Tôi ra sau hè, đứng tần ngần quan sát cái phòng tắm lộ thiên. Lu nước màu gạch nung cao chừng một thước; cái gáo bằng vỏ dừa khô có cán dài gác ngang trên miệng lu. Chỗ đứng được lót bằng bốn viên gạch bông. Một rãnh nhỏ dẫn nước tắm chảy ra cái mương đào dọc theo bờ tường.

- Khăn lông đây Quang. Cởi quần áo ra đi, không ai dòm mô mà hổ ngươi. Dì cũng đi tắm cho mát đây.

Tôi cởi quần áo. Nhìn lui không thấy dì, tôi cởi luôn cả xì-líp. Tôi xối một gáo, nước đổ từ đỉnh đầu xuống. Dòng nước mát tuôn chảy, kéo theo lớp mồ hôi rịn khắp người. Tôi xối liên tiếp cả chục gáo nước, cố giữ cho hơi mát khỏi tan biến vào lớp không khí oi bức chung quanh.

- Khoan, đừng xối ướt dì. Ngồi xuống, nhắm mắt, dì thoa xà bông cho.

Tôi ngoan ngoãn nghe lời dì. Dì ra hỏi nào tôi không hay, không biết dì đứng nhìn tôi trần trường tắm đã bao lâu. Tôi nghe bàn tay dì, một bàn tay rồi hai bàn tay vò đầu tôi cùng với mùi xà bông *Cadum*. Không biết dì vô tình hay cố ý để bọt xà bông bắn vào mắt tôi, cay quá tôi phải nhắm mắt lại. Tay dì và xà bông lần lượt đi qua cổ, qua vai, qua lưng.

- Đứng lên dì thoa phía trước cho.

Tôi ngượng nghịu đứng lên, mắt không muốn mở ra dù đã quen với hơi cay. Tôi nghe nóng ran ở mỗi phần cơ thể khi bàn tay dì đi qua. Bàn tay chần chừ hai bên chỗ đó, như do dự như đắn đo. Cuối cùng tôi bỗng nghe một túm lấy, một vuốt mạnh và giọng dì hơi lạc đi:

- Xong rồi, Quang xối nước đi kéo cay mắt.

Tôi lên giường của dì nằm chờ. Cũng đã hơn mười phút dì vẫn còn loay hoay công việc gì ở phía ngoài. Tôi với tay tắt ngọn đèn trên bàn nhỏ cạnh đầu giường. Căn phòng gần máy

lạnh tỏa hơi mát dịu. Tôi nhắm mắt nhưng lòng nôn nóng, thể xác rạo rức. Tôi nghe tiếng đi gần đến cửa, tiếng mở cửa, tiếng đóng cửa rất khẽ. Tôi nghe một sức nặng ầm áp đè lên ngực tôi và phảng phất một mùi nước hoa rất nhẹ. Tôi mở mắt, nhìn qua bóng tối mờ mờ, đôi mắt long lanh, nụ cười yên lặng của dì. Tôi choàng hai tay qua cổ dì, kéo mặt dì xuống, hôn lên môi rất lâu. Khi tôi bấu cứng vào hai vai dì ở cùng độ của khoái cảm, tiếng dì thì thầm:

- Thích không?

Tôi ôm dì một lúc rồi mới đáp nhỏ:

- Thích.

Dì nâng cằm tôi lên:

- Quang thích là dì vui rồi.

Tôi nằm nghiêng bên cạnh dì, co người cho nhỏ lại, quàng tay ôm ngang người dì, như một đứa trẻ nằm ôm mẹ ngủ.

- Sáng mai Quang về, cô Kim có hỏi lý do thì nói dì rủ ở lại chơi đồ xô hường. Quang nói là Quang hên, đồ ra toàn trạng lớn, trạng nhỏ nên ăn hết cả làng. Dì có gói một ít tiền để Quang mang về làm bằng chứng. Chia cho Bích một ít cho nó vui....

- Hello... Hello!

- Allo!

- Quang nghe dì rõ không?

- Rõ năm trên năm. Quang đang ôn lại kỷ niệm xưa với dì, tiếc chỉ gặp được dì có một lần một.

- Hồi nó vui hỉ. Quang có còn dễ thương không?

- Quang của dì lúc nào lúc nào cũng dễ thương hết.

- Giỏi. Hè sang dì chơi đi. Dì làm ăn khá lắm. Dì vất mô cũng không chết.

- À, quên hỏi dì sang đây năm nào?

- Bảy mươi bảy, đi chui. Con Trâm, thằng Quý tốt nghiệp đại học cả rồi, có gia đình hết.

- Còn dì?

- Dì à? Dì như con chuồn chuồn, khi vui dì đậu, khi buồn dì bay. Nhưng Quang yên trí, khi mô Quang cũng ưu tiên hết, nghe chưa?

- Dạ nghe.

- Đừng dạ với bầm nữa. Sai đi đi, dì thích Quang sai dì lắm. Quang sai thì chi dì cũng làm hết. Sướng chưa?

- Sướng. Mà cộng sản vào dì làm gì để sống?

- Đố Quang biết, một nghề mà Quang không ngờ mô, nhưng đó cách duy nhất để có dịp đi.

- Nghề “danh ca” phải không?

- A! Thông minh thiệt! Đúng. Dì bay vô Sài Gòn, đi buôn bán đồ cũ ở chợ trời một thời gian. Sau đó dì về Rạch Giá mua thuyền, cả nhà đi đánh cá. Đi đi về về một thời gian cho chúng tin rồi đông luôn.

- Còn... dựng thì sao?

- Từ “cải tạo” mới ra được hơn một năm. Sắp nhỏ đã làm giấy bảo lãnh. Mới đi tù mấy tháng, con vợ nhỏ bỏ đi lấy cán bộ liền. Thứ nớ mà tình nghĩa chi. Đáng kiếp. Qua đây dì cũng không nhìn mặt mô.

Có tiếng “tin” trong ống nghe báo hiệu có ai gọi, tôi nghĩ chắc là Phương.

- Dì chờ Quang một phút nhé.

- Allo

- Anh Quang đó hả, Phương đây. Rất tiếc tối mai Phương không đi “party” với anh được. Nhưng có thể...

- Không sao Phương, dịp khác. Bye Phương.

- Allo, dì.

- Bờ gọi phải không?

- Bạ gái thôi. Nó cho leo cây. Nhưng có dì là vui rồi.

- Thiệt không?

- Thiệt. Quang sẽ qua thăm dì với một điều kiện.

- Cho dì biết điều kiện.

- Nhà dì phải có một lu nước và một cái gáo dừa.

Tiếng dì cười giòn tan đầu dây bên kia. Im lặng một lúc:

- Quang ơi! Dì nói trước với Quang điều ni: Dì không còn được như xưa mô nghe. Nói trước để Quang đừng thất vọng khi gặp dì.

- Với Quang lúc nào dì cũng đẹp.

Tôi ghi địa chỉ, số điện thoại của dì. Tôi nói chắc chắn hè tôi sẽ sang thăm dì. Tôi nói hôn dì rồi gác máy. Sau đêm tôi ngủ ở nhà dì thấm thoát đã 15 năm. Dì chỉ là một nét chấm phá nhỏ trong đời tôi, nhưng khi có dịp ngẫm lại bức tranh đời mình, dì là một nét chấm phá tươi sáng. Tôi rút dây điện thoại, trở vào bồn tắm, nằm ngâm mình trong nước ấm, tiếp tục nghĩ về dì. Một ý nghĩ vụt hiện đến: Tại sao phải chờ đến tháng bảy mới sang thăm dì? Tại sao không ngay ngày mai? Tôi còn cả tuần nghỉ lễ trống không trước mặt. Tưởng tượng sự thích thú của dì khi đón tôi trong vòng tay. Hình ảnh dì mỗi lúc một lớn dần, mỗi lúc một rục rờ. Tôi nghĩ trên đời này không có người đàn bà nào xấu cả, chỉ có những người đàn ông không biết mỗi người đàn bà đẹp ở chỗ nào mà thôi.

*Viết xong: 15/08/1985*

*Nhận sắc lại: 26/02/2021*

\*\*\*

## **BÊN ĐƯỜNG**

Đi họp với ông đại đội trưởng về, Tiến gọi trung sĩ nhất Chín, trung đội phó của mình dặn dò:

- Trung đội mình trách nhiệm mặt tiền của đại đội, nhìn ra cánh đồng. Ban đêm du kích có thể bò vào từ mặt đó. Trung sĩ cho hai “đứa con” đi “ăn sương” xa xa vị trí của mình một chút. Cho gài mìn định hướng cẩn thận.

Trung sĩ Chín nhanh nhẩu đáp:

- Thừa chuẩn úy tôi đã cắt xong nhân sự hai tổ “ăn sương” và vọng gác. Chỉ còn chọn địa điểm.

- Trung sĩ cho lục soát kỹ vị trí đóng quân của mình, tìm xem có hầm bí mật không, nhất là trong nhà dân chúng. Cách đây mấy tháng một đơn vị bạn đóng quân vùng này, lục soát không kỹ, đêm đến du kích dưới hầm chui lên thiet mất hai mạng. Tam Quan, Bồng Sơn là hai ổ du kích đó. Đánh nhau với du kích mệt lắm, phải cảnh giác cao độ.

- Tôi đã cho đi lục soát kỹ. Tôi cũng đã chọn chỗ ngủ cho chuẩn úy rồi, ở trong nhà. Nhà này khá rộng.

Nói xong trung sĩ Chín đưa tay chỉ về phía trái.

- Cái nhà có hai cây măng cầu đó chuẩn úy. Nhà này chỉ có ba người ở: hai mẹ con và một ông cụ già. Ông cụ nhường bộ phận cho chuẩn úy nằm, ông cụ qua nằm cái giường tre của bà mẹ cô gái. Bà mẹ cô gái thì xuống ngủ dưới bếp. Thăng Chi, mang máng, ngủ võng ngoài hiên cạnh chuẩn úy, tôi cũng ngủ võng phía ngoài bếp.

Tiến mỉm cười khi nghe trung sĩ Chín sắp đặt chỗ ngủ. Ông này nổi tiếng đào hoa trong hàng hạ sĩ quan của đại đội. Ba mươi bảy tuổi, gốc người Nam, ca vọng cổ rất mùi, lại pha trò có duyên. Dừng quân bất cứ ở đâu, lâu chừng hai ba ngày là ông ta có nhân tình liền. Và khi đơn vị di chuyển là có một cô hay một bà sụt sùi tiễn đưa. Cái điệp khúc mà trung sĩ Chín lặp đi lặp lại hoài để biện minh cho hành động trai lơ của mình là thời chiến, rày đây mai đó, sống chết lúc nào không hay, vui được ngày nào hay ngày ấy, ai vui với mình thì mình vui lại. Nhìn cách sắp đặt chỗ ngủ, Tiến tin mình đoán sẽ không lầm là trung sĩ Chín sẽ chiều cổ bà mẹ.

Liên khựng lại khi thấy chung quanh nhà mình nhiều lính quần áo hoa đi lại. Có người đang cời trần nhúm lửa nấu cơm chiều. Nàng lẩm bẩm: “lính rần ri!”. Có lần trong một buổi sinh hoạt đêm, Tín từng nói với nàng: “Sợ nhất lính rần ri. Nghe rần ri là phải tránh”. Hơn một năm nay, không thấy Tín trở về hoạt động. Một lần cách đây sáu tháng, nhân có một tổ về hoạt động đêm, Liên dò hỏi tin tức của Tín thì người ta trả lời Tín đang công tác ở một địa phương khác. Liên bắt đầu nghi ngờ lối trả lời mập mờ đó. Về cha nàng, bật tin từ tám năm nay, người ta cũng trả lời đang công tác trong miền Nam. Liên có linh tính hai người không bao giờ trở về nữa. Súng nổ ngày này qua ngày khác, súng nổ năm này qua năm khác, tức nhiên người chết cũng chất chồng khắp nơi theo năm tháng. Liên đã trao thân cho Tín trong một đêm liên hoan. Khi nàng tỏ ý lo ngại nếu lỡ có bầu phải tính sao, Tín đã cầm tay nàng căn dặn:

- Nếu em có con mà anh không có mặt ở đây, Cách Mạng sẽ lo cho mẹ con em, em yên tâm. Bọn an ninh của địch có thắc mắc hỏi cha của con em đâu thì em nói chồng là địa phương quân đóng đồn ở Qui Nhơn.

Sau đêm ân ái vụng lén, vội vã với Tín, Liên lo lắng chờ xem mình có mang bầu hay không. May mắn, mọi sự êm xuôi. Từ một năm nay các tổ về hoạt động đêm ít đi và hoàn toàn bí mật, trong khi sự có mặt của lính quốc gia ngày càng thường xuyên hơn. Ban đầu Liên và hai cô bạn trong làng còn dè dặt tiếp xúc, nhưng dần dà bọn Liên thấy tiếp xúc với đàn ông bên nào cũng được hết. Dần dà trong đầu của Liên và của hai cô bạn, Quyên và Thoa, với cái thế sống cô quạnh này, đàn ông nào cũng là đàn ông cả. Không thể bỏ làng ra đi thì chỉ còn cách chấp nhận người có mặt.

Tiến bước vào nhà thì ông cụ đang ngồi uống nước trà ở cái ghế trường kỷ đứng dậy chấp tay chào chàng. Tiến cũng cất chiếc mũ lưỡi trai cúi đầu chào lại. Chàng lên tiếng trước:

- Chúng tôi xin làm phiền cụ vài hôm. Binh sĩ của tôi đã được lệnh không phạm đến tài sản của đồng bào. Xin cụ yên tâm.

- Dạ xin cảm ơn. Chúng tôi không sao cả. Mời ông dùng trà.

- Cảm ơn cụ, mời cụ dùng tự nhiên, tôi không khát.

Nói xong, Tiến cởi dây ba chạc, tháo thắt lưng bằng có găng khẩu Colt 12, dao găm, bao đựng gắp đạn và bi đồng nước. Chàng nhìn quanh thấy ở cột nhà có mấy cây đinh được đóng ngập đến một nửa, liền móc lên đó. Tiến cẩn thận rút khẩu Colt ra giấu dưới cái ba lô mà binh nhất Quý đặt sẵn lên đầu mặt phản. Cái ba lô Tiến dùng để gói đầu. Chiếc mũ cá nhân của chàng cũng đã được Quý treo sẵn nhưng được vén lên. Tiến ngồi xuống mé phản cởi dây giày, cởi luôn chiếc áo hoa đã bạc màu. Chàng để nguyên quần và chiếc áo thun đen rịn mồ hôi, ngả lưng xuống bộ phản. Sau buổi đi “săn” du kích, di chuyển nhanh qua mấy ngôi làng, băng qua hai cánh đồng, Tiến nghe đôi chân ê mỏi. Chàng nằm gác tay lên trán, nhìn ra bên ngoài qua khung cửa tre. Những hàng dừa xanh trĩu trĩu trái im gió đang hứng những giọt nắng cuối của một ngày sắp ngả vào hoàng hôn. Rời quân trường thế mà đã hơn một năm. Ba mươi bạn đồng khóa với Tiến được chọn về đây. Sau hơn một năm, ba đã tử trận, bốn bị thương không còn khả năng chiến đấu. Tiến chỉ mới một lần bị thương nhẹ, nhưng là một vết thương kể lại nhiều người nghe lạnh gáy. Viên đạn đã xuyên qua nón sắt nhưng lại đi chệch đỉnh trán Tiến nên chàng chỉ bị xây xước ở màng tang trái. Tiến không sợ chết khi lâm trận. Chàng đã chọn binh nghiệp. Con đường của Tiến chỉ có tiến: trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng... Muốn được thế chỉ còn cách chiến đấu gan dạ, chỉ huy giỏi và may mắn. Tiến được ông đại đội trưởng tin tài. Cũng vì thế, lần đổ quân nào mà mục tiêu có vẻ khó nuốt là trung đội của Tiến được trực thăng đổ xuống đầu tiên. Tình yêu Tiến chưa nghĩ tới hay chưa có cơ hội bắt nghĩ tới.

Bỗng xuất hiện trong tầm mắt Tiến một cô gái đứng ngập ngừng ở cửa. Nàng mặc áo cụt màu mỡ gà, quần đen, cả hai đều bạc cũ. Cô gái khoảng chừng hai mươi tuổi, tóc búi lỏng, nước da trắng trẻo và khuôn mặt dễ nhìn. Tiến đoán là cô gái ở nhà này, vì như trung sĩ Chín nói lúc nãy, nhà có ba người. Tiến đã nhìn thấy ông cụ và người đàn bà. Mẹ cô gái khoảng ba mươi tám, ba mươi chín tuổi, là một người đàn bà có cái nhìn lạnh lợi, miệng lúc nào cũng tươi cười, đon đả. Ông cụ thấy Tiến ngồi dậy nhìn cô gái như muốn tìm hiểu liền giới thiệu:

- Đây là cháu gái tôi. Con chào ông đi.

Cô gái dạn dĩ cúi đầu chào Tiến rồi đi xuống bếp. Quý bưng vào cho Tiến một đĩa cơm.

- Chuẩn úy dùng cơm tối. Đưa bi đồng cho em thay nước trà.

Tiến tay nhận đĩa cơm, tay chỉ cái bi đồng nước treo ở cột nhà cho Quý lấy. Cơm có rau muống xào và thịt heo kho mặn. Nhìn phần rau muống xào hành tỏi ngày ngày thơm, Tiến bèn khen:

- Chà, rau muống đâu mà hấp dẫn thế?

- Dạ của trung sĩ Chín “tăng cường”, chuẩn úy. Ông ấy “bắt mối” địa phương mau lắm.

Tiến cười thầm trong bụng: thằng chả chuột sa hũ nếp rồi. Vừa nghĩ đến Chín thì tiếng ca vọng cổ của Chín từ dưới bếp vọng lên. Tiến không nhớ tựa của sáu câu vọng cổ này, nhưng chàng biết chắc chắn một lúc nào đó chàng sẽ được nghe câu: “Trường giếng sâu tôi nổi sọt dây dài, ngò đâu giếng cạn... ngò đâu giếng cạn tôi tiếc hoài sọt dây... ơ...” Bài ca này là bài ca ruột của Chín mà Tiến hay nói đùa là bài ca cò mồi.

Ăn xong, Tiến ra ngồi ở hiên, mở máy thu thanh nghe tin chiến sự và nghe nhạc. Biến động Phật Giáo ở miền Trung lên cao điểm: bàn thờ bắt đầu xuống đường. Đơn vị của Tiến được lệnh nằm ở Tam Quan, Bồng Sơn hơn một tháng nay. Ít khi lực lượng tổng trừ bị lại được sử dụng lâu như thế. Áp lực địch vùng này có vẻ bớt nặng sau cuộc hành quân cấp sư đoàn giải tỏa Đồi Mười và làng Gia Hựu cách đây mấy tháng. Bỗng một tràng AK chóc chóc vang lên, tiếp theo là mấy tiếng tắc cù chát chúa của súng trường. Tiến rời chỗ nằm đến bên máy chờ tin. Không nghe tiếng súng của phía binh sĩ mình đáp lại. Lính ở các vọng gác và các ổ phục kích được lệnh nếu nổ súng mà không hạ được địch hay tịch thu được vũ khí địch sẽ bị phạt. Tiến nghĩ du kích chỉ bắn khuấy phá thôi. Trọn ngày hôm nay, đơn vị Tiến với trực thăng yểm trợ đã truy kích họ tới bờ. Tiến về chỗ nằm, buông

mùng xuống rồi cởi quần dài, cởi áo thun, mặc quần xà lỏn, gói đầu lên ba lô, mở máy thu thanh tìm đài nghe nhạc. Tiến thấy cô gái dưới bếp đi lên rồi đi sát dọc theo bộ phận nơi chàng đang nằm, đi qua khỏi đầu chàng, đẩy cái liếp phen che và khuất vào trong. Bây giờ Tiến mới để ý phía trong còn có một cái buồng nhỏ.

Tiến rất dễ tỉnh ngủ. Đêm hôm đó chàng thức giấc đến ba lần. Nằm trong mùng nhìn ra, hai lần đầu chàng thấy cô gái rời buồng đi xuống bếp rồi lại lên, lúc tắt đèn ở bàn thờ, lúc ôm một trái dừa đã bóc vỏ vào buồng. Mỗi lần cô gái đi ngang qua chỗ Tiến nằm, nàng đi rất khế nhưng rất sát bờ phản, bàn tay nàng kéo rê một đường trên mặt phản làm rung rinh chiếc mùng. Ban đầu Tiến hơi lấy làm lạ. Nhưng sau đó chàng như hiểu một phần nào. Làng này coi ra đàn ông khan hiếm. Sự có mặt của Tiến trong nhà làm cô gái ngủ không yên. Tiến thức giấc lần thứ ba vào khoảng bốn giờ sáng. Lần này khi thấy cô gái từ buồng đi ra, Tiến giả vờ say ngủ chìa một bàn chân ra quá mặt phản. Bàn chân chạm vào đùi cô gái. Cô đứng yên một lúc rồi đưa hai tay đỡ lấy bàn chân của Tiến nhẹ nhàng đặt vào mặt phản. Khi cô gái trở lên, lần này Tiến để thò bàn tay ra ngoài. Cô gái vẫn rề rề bàn tay dọc theo bờ phản, đến khi đụng bàn tay Tiến nàng đứng lại. Bàn tay nàng, trong một thoáng rất nhanh bóp mạnh bàn tay Tiến rồi cầm bàn tay chàng nhẹ đẩy vào trong mùng. Tiến nghe lòng êm dịu trước cử chỉ của cô gái.

Tiến thức dậy nhìn đồng hồ đeo tay thấy đã chín giờ sáng. Họp đại đội hôm qua, Tiến biết đơn vị được đóng nghỉ chân chừng bốn, năm ngày. Sau đó có thể được bốc ra Huế giữ an ninh nếu tình hình chính trị ngoài đó căng thẳng. Chàng lục ba lô lấy bàn chải và thuốc đánh răng, khăn lau mặt, định ra ngoài sân đánh răng, rửa mặt thì thấy một trái dừa để cạnh ba lô từ bao giờ. Tiến biết ngay là trái dừa của cô gái tặng. Chàng mỉm cười một mình. Những cử chỉ biểu lộ tình cảm như thế không phải lần đầu tiên Tiến bắt gặp. Trước đó đã có một lần ở miền Tây, một lần ở Pleiku. Tiến có cảm tưởng trong thời chiến, trai gái tình cờ gặp nhau đều có nhu cầu trở nên táo bạo hoặc lãng mạn nhanh chóng. Nhưng với Tiến, tất cả cũng chỉ dừng lại ở những săn sóc ân cần, những lời hứa hẹn tái ngộ. Mặc quần áo, mang giày xong, Tiến ra sân đi về phía trung sĩ Chín ngủ. Chín cũng đã gọn gàng quần áo đang đứng chải tóc. Thấy Tiến, Chín đứng nghiêm đưa tay chào rồi hỏi:

- Hôm qua chuẩn úy ngủ ngon giấc không?

- Gần sáng thì mới ngủ say. Còn trung sĩ thì sao? Công tác dân vận tới đâu?

- Dạ, thành công mỹ mãn. Tình quân dân như cá với nước mà, chuẩn úy! Trưa nay mình có đồ nhậu lai rai nghe chuẩn úy. Khô mực, xoài sống chấm nước mắm đường và tí đế.

- Thế thì nhất trung sĩ rồi. Mà đóng góp sao đây?
- Dạ, có thì cho chị Tầm của nhà này chút đỉnh, công đi xoay mua cho mình.
- Trung sĩ tính thế phải. Tôi đóng góp phần tôi, năm trăm đồng đủ không?
- Dư chi rồi chuẩn úy.

Tiến về chỗ nằm, để nguyên giày, lục ba lô lấy cuốn chương *Anh Hùng Xạ Điêu* ra đọc. Ông cụ, bà mẹ, cô gái rời nhà lúc nào chàng không hay. Tiến không rõ họ làm gì để sống. Quá trưa, Quý lễ mễ bưng đồ ăn vào. Thức ăn được để trên một cái khay nhôm. Ngoài phần ăn khô thường lệ là cơm sấy với cá mèi hộp, hôm nay có thêm một con khô mực nhỏ nướng chín được đập nát ra, ba lát dưa sống, một chén nhỏ nước mắm đường và một ca nước đựng chừng một phần tư rượu đế. Tiến cởi giày rồi khoai chí ngồi xếp bằng trên phản, xé từng sợi khô mực đưa vào miệng nhâm nhi, thỉnh thoảng hớp một tí để rồi nhăn mặt vì chất nồng cay của rượu. Dưới bếp vang lên tiếng cười nói ồn ào. Tiến nhận rõ tiếng của từng người. Ngoài Chín, Quý, còn có Thân đại liên 60 và Quốc M79. Tiến ăn sạch hai món nhậu, uống cạn phần đế mà vẫn thấy còn thòm thèm. Tuy ớn lên tận cổ món cá mèi hộp, chàng cũng ráng ăn hết đĩa cơm. Sau khi Quý vào dọn khay mang đi, Tiến sực nhớ đến trái dưa. Chàng đứng lên với tay rút con dao găm, dùng mũi dao khoét một lỗ ở chóp trái dưa rồi hai tay bưng trái dưa lên úp vào miệng, mặt hơi ngửa cho nước dưa chảy vào miệng. Trái dưa ở độ non vừa, nước ngọt và mát. Uống hết nước trong trái dưa Tiến đứng lên, nhìn quanh thấy không có ai liền đi thoát vào buồng cô gái để trái dưa lên giữa cái chõng tre có trái chiếu rồi bước nhanh ra. Chàng vừa làm một cử chỉ để biểu lộ sự ghi nhận và cảm ơn.

- Đồ nhậu được không chuẩn úy?

Tiến hạ cuốn chương xuống thì thấy trung sĩ Chín đứng ở cửa. Mặt Chín tái ngắt. Chín là dân nhậu thuộc loại chì, uống bao nhiêu cũng tỉnh queo. Không như Tiến, một tí rượu vào là mặt đỏ gay.

- Được quá trung sĩ. Anh em chắc nhậu đã đời. Có đũa nào say quá không?

- Dạ không. Mình có đang ở hậu cứ đâu. Tôi cho lai rai chút thôi. Đũa nào say ăn nói hay làm chuyện bậy bạ tôi quật chết. Trưa mai mình có lòng heo chấm mắm tôm nhậu với bia. Chị Tầm gửi từ Qui Nhơn mang về. Chuẩn úy khỏi châm tiền thêm, vẫn còn đủ.

Tiến đâm ra thắc mắc:

- Này trung sĩ, mình có ép chị Tầm gì không? Nhiều khi họ sợ mình nên...

Chín cắt ngang lời Tiến:

- Chuẩn úy yên chí đi, tình quân dân cá nước mà, chị Tầm hoan hỉ mà, còn mong mình đóng ở đây thật lâu nữa mà chuẩn úy.

Tiến dò hỏi:

- Trung sĩ biết họ sinh sống bằng nghề gì không?

- Ông cụ thì nạo dừa phơi khô, mỗi tháng chị Tầm chở ra Qui Nhơn bán sỉ. Còn chị Tầm và cô gái, có cái quán nước ở ngoài lộ cạnh bến xe lam đó. Quán bán nước chè tươi, nước ngọt, vài thứ bánh, vài thứ nhậu như khô mực, đậu phộng. Thỉnh thoảng mới có bia.

Quán bán khá từ khi có lính mình thay phiên đóng quân vùng này. Chuẩn úy thấy con gái chị Tầm rồi chứ. Trông nó cũng xinh xắn. Giá mà được ở thành phố, được ăn học một chút tôi chắc nó sẽ kiếm được một tấm chồng xứng đáng. Ở vùng xôi đậu này thì khó. Đàn ông trốn hết. Tội nghiệp nó. Cũng chỉ vì chiến tranh cả.

Tiến nghĩ trung sĩ Chín nói đúng. Được sống trong một môi trường khác, tương lai cô gái chắc sáng sủa hơn. Hoặc chỉ cần hết chiến tranh và được sống trên một đất nước thật sự thanh bình, người dân dù thành thị hay thôn quê sẽ được an cư lạc nghiệp. Tiến tự hỏi có phải mình đang cầm súng cho mục đích trên không? Đó là một câu hỏi thực tình ít khi Tiến nghĩ tới. Nó quá to lớn đối với chức vụ còn nhỏ bé của chàng. Tiến không dám tự hào mình sống để chiến đấu mà chỉ biết đem hết khả năng chiến đấu để sống còn.

Tiến đang ngồi trên phản ăn cơm chiều thì thấy chị Tầm và cô con gái về. Hai người cùng đỡ nón chào chàng. Chị Tầm đi xuống bếp còn cô gái đi vào buồng nàng. Khi đi ngang qua chỗ Tiến đang ngồi ăn, nàng hơi cúi đầu, miệng cười mỉm. lát sau cô gái trở ra, nhìn Tiến với sắc mặt tươi vui. Tiến nghĩ cô đã nhận rõ tín hiệu của chàng khi thấy lại trái dừa hết nước. Tối hôm đó, khuya thật khuya, Tiến mới tỉnh ngủ, nghe cô gái bước ra khỏi buồng nàng. Lúc cô trở lên, Tiến để bàn tay mình nằm ra ngoài mùng. Nàng vẫn đi rất khẽ, mấy ngón tay vẫn kéo dọc theo mặt phản cho đến khi chạm bàn tay Tiến. Tiến nắm chặt bàn tay cô gái. Nàng đứng yên để tay cho Tiến nắm. Chàng nghe hơi ấm tỏa ra từ lòng bàn tay cô gái. Một lúc lâu, Tiến mới rời tay nàng, rút tay mình vào trong mùng. Cô gái ngửa đầu, vuốt tóc đi nhanh vào buồng nàng.

Sáng hôm sau bộ chỉ huy tiểu đoàn cho mời các đại đội trưởng họp. Trung sĩ Chín đến chào Tiến rồi nói:

- Tôi e sắp “lội” nữa chuẩn úy. Trưa nay chắc mình nhậu cú chót rồi đó. Chuẩn úy có bị đế nó hành không mà sao tôi thấy mặt chuẩn úy hơi tái và xanh.

- Có sao đâu. Nhưng tôi không mện uống đế lắm. Trưa nay có bia thì nhất rồi.

- Chị Tầm kiếm được lòng heo và bia đem về chiều hôm qua. Minh nhậu sang nhất trong đại đội đó, chuẩn úy.

Tiến cười cười:

- Nhờ tài của ông cả!

Trung sĩ Chín híp mắt thích chí:

- Let xet vài câu vọng cổ mà nhiều khi cũng được việc lắm, chuẩn úy. Dạ thôi để tôi vào phụ với thằng Quý rửa bộ lòng cho thật sạch.

Tiến ních hết đĩa lòng heo, uống cạn một chai bia Larue rồi ngủ một giấc trưa dài cho đến gần hai giờ thì có lệnh đại đội trưởng mời các trung đội trưởng họp vào lúc hai giờ rưỡi. Tiến rửa mặt cho tỉnh táo rồi mặc quần áo, mang giày, ngồi chờ đúng giờ đi họp.

Ông đại đội trưởng cho biết ngày mai có một cuộc “làm ăn lớn”. Lực lượng gồm có hai tiểu đoàn tác chiến, một chi đoàn thiết kỵ và phi pháo yểm trợ. Mục tiêu là một ngôi làng cách làng Gia Hựu chừng ba cây số đường chim bay. Tin tức từ sư đoàn 22 bộ binh cho biết có một đơn vị quân chính quy địch trú ẩn trong đó. Ngày mai năm giờ sáng chuyển quân bằng xe GMC đến làng Gia Hựu. Chờ phối hợp với thiết kỵ ở đó. Một giờ trưa bắt đầu tấn công. Phải chiếm xong mục tiêu trước năm giờ chiều. Không yểm gồm có một phi tuần khu trục và hai trực thăng võ trang. Hai pháo đội 155 ly sẽ bắn dọn đường. Thiết vận xa M113 cùng đại đội 54 của tiểu đoàn Hắc Báo và đại đội 63 của tiểu đoàn Ó Đen tấn công mặt tiền từ cánh đồng trống vào. Trung đội của Tiến thuộc đại đội 63. Trung đội chàng lãnh nhiệm vụ đi theo thiết vận xa. Khi thiết vận xa ngưng tác xạ, trung đội của Tiến sẽ xung phong tiến chiếm bờ làng làm đầu cầu cho đại đội 63 tràn lên.

Tiến gọi trung sĩ Chín tới gặp cho biết nhiệm vụ ngày mai của trung đội để chỉ thị binh sĩ các cấp chuẩn bị. Chàng cho lệnh ăn cơm chiều sớm và ngoài thành phần canh gác, mọi người đi ngủ sớm để lấy sức. Tiến cũng muốn ngủ sớm mà sao trí óc vẫn thao thức. Lại một lần sắp đối diện với hiểm nguy. Chưa lần nào Tiến nghĩ đến cái chết. Nhưng câu hỏi vô tình ban sáng của Trung sĩ Chín lảng vảng trong đầu Tiến khi trung sĩ Chín nhận thấy mặt Tiến hơi tái và xanh. Có một lần, chính Tiến, khi gặp một bạn đồng khóa đang phục vụ bên tiểu đoàn Hắc Báo, đã buột miệng hỏi bạn mình có bệnh gì không, khi thấy mặt

anh không có thần sắc. Người bạn đã trả lời không bệnh gì cả, nhưng trong cuộc hành quân kế tiếp, anh bạn đồng khóa đã tử trận. Tiến không muốn tin dị đoan, lúc này chàng cần xua đuổi mọi ý nghĩ đen tối. Tiến trở mình nằm nghiêng. Một mùi trái cây thơm ngọt bay vào mũi chàng. Tiến đưa tay sờ quanh ba lô thì đụng phải một trái măng cầu chín mềm. Quả của cô gái. Suốt ngày hôm nay, Tiến không chú đến cái ba lô nên không thấy nó. Chàng cảm động, cầm trái măng cầu đưa lên ngắm nghía trong bóng tối. Nó quá chín, không thể mang theo trong ba lô ngày mai. Tiến bẻ trái măng cầu ra làm đôi, cắn từ từ từng múi vừa nhai vừa lừa hột sang một bên má. Ở giờ phút sắp đối diện với hiểm nguy, người gần gũi, chăm sóc chàng nhất lại là một cô thôn nữ chàng không biết đến cả tên lẫn tuổi. Chiến tranh tạo nên lắm mâu thuẫn, nó làm ta xa những người ruột thịt nhưng nó làm ta gần những kẻ xa lạ. Và khắc sâu vào kỷ niệm của một đời người, lắm khi lại là những hình ảnh xa lạ đó.

Tiến nghe tiếng động khẽ ở phía buồng cô gái. Chàng đưa bàn tay ra ngoài mùng chờ sẵn. Khi bàn tay cô gái chạm tay chàng, Tiến nắm lấy kéo mạnh cô gái lại gần, vén mùng lôi nàng vào bên trong. Cô gái ngoan ngoãn nằm xuống cạnh Tiến. Chàng hôn tới tấp lên mặt lên môi nàng. Tiến ngẩn ngủ ân ái với cô gái trong sự im lặng tuyệt đối.

Liên giật mình tỉnh ngủ khi nghe tiếng giày sột soạt chung quanh nhà. Đẩy cái liếp che cửa buồng, nhìn ra bộ phận, Liên không thấy ông chuẩn úy đâu nữa. Chiếc mùng, chiếc ba lô biến mất. Nàng đi mau xuống bếp. Mẹ nàng đang ngồi yên lặng bên bếp lửa.

- Họ đi rồi hả mẹ?

- Ừ. Đi đánh nhau đâu đó.

- Không ngờ họ đi mau thế!

- Ừ.

- Họ đi bộ hay đi xe?

- Tao nghe ông trung sĩ nói có xe đến đón.

Liên bỏ mặc mẹ ngồi một mình, hấp tấp chạy ra đường cái. Một hàng xe GMC mấy chục chiếc đậu dài ngay giữa đường. Máy nổ rần rần. Từ mỗi xe, hai đèn trước phóng ra hai vệt sáng dài. Từng toán lính áo giáp, nón sắt, vũ khí mang vai hay cầm tay, rầm rập từ trong làng kéo ra, bắt đầu lên xe. Liên đi dọc dọc theo hàng xe, nháo nhác tìm xem ông chuẩn úy của nàng ngồi ở xe nào. Mắt nàng dừng lại ở chiếc GMC thứ mười. Ông chuẩn úy ngồi

trong ca-bin mắt nhìn thẳng phía trước. Hai tay đan nhau trước ngực, Liên yên lặng nhìn không rời mắt khuôn mặt người đàn ông mới đây rất gần gũi nàng. Liên biết nàng không có hy vọng nào gặp lại ông một lần thứ hai.

Trời đã sáng tỏ tuy mặt trời chưa lên. Một số dân làng phần lớn đàn bà trẻ con kéo nhau ra đứng nhìn. Bỗng từ băng sau một chiếc GMC có tiếng la lớn:

- Chị kia, tôi bỏ quên “cái nón sắt” chị có giữ không?

Người đàn bà mang bầu cũng không vừa:

- “Nón sắt” ni có chủ rồi.

Liên nhìn ông chuẩn úy thầm hỏi: Anh có gửi lại cho em chiếc “nón sắt” nào không?

Đoàn xe bắt đầu chuyển bánh. Bụi mù bốc cao. Liên nghẹn thở khi thấy chiếc GMC thứ tám, chiếc thứ chín rồi chiếc thứ mười chuyển bánh. Mặt ông chuẩn úy xa dần, khuất hẳn sau lớp bụi vàng. Liên nghe cay ở mắt. Nàng đưa tay lên dụi mới hay hai mắt mình đầm ướt. Liên không rõ mình khóc hay bụi làm cay mắt thật.

\*\*\*

## **ĐƯỜNG RA BẾN HẢI**

**Giải nhất cuộc thi bút ký chiến đấu do Cục Tâm Lý Chiến tổ chức năm 1967.**

Khi Đại Đội cuối cùng của Tiểu Đoàn 6 Dù được không vận đến phi trường Phú Bài, kim đồng hồ nơi tay tôi chỉ đúng ba giờ sáng. Gần đây việc chuyển quân đêm gần thành như một thông lệ. Mỗi đợt cách nửa giờ, một chiếc C130 đến hết trọn từng Đại Đội mang đi. Huế lắng dịu sau ba tháng biến động chính trị. Tôi nghĩ sự hiện diện của ba Tiểu Đoàn Dù ở vùng I có mục đích hoàn toàn quân sự. Tiểu Đoàn 2 đang đóng ở Cam Lộ, Tiểu Đoàn 8 ở Đông Hà và Tiểu Đoàn 6 vừa đến Huế. Tôi lờ mờ nghe tin một Sư Đoàn quân Bắc Việt vừa xâm nhập vùng phi quân sự và lờ mờ nghe tin Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 mở cuộc hành quân Lam Sơn 286 phối hợp một cánh quân Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, một cánh quân Bộ Binh Việt Nam và một cánh quân Dù. Đối phương vừa gây được hai tiếng vang với giá khá đắt: phục kích một đoàn công voa chở Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam và gây thiệt hại trung bình cho một Đại Đội thuộc Tiểu Đoàn 2 Dù ở Cù.

Đoàn xe hai mươi lăm chiếc GMC khởi hành từ Phú Văn Lâu rời thành phố Huế lúc tám giờ sáng. Qua khỏi An Lỗ xe tiến vào Phong Điền. Binh sĩ được lệnh quay súng ra hai bên hông xe sẵn sàng chiến đấu. Nơi xảy ra trận phục kích táo bạo là một đoạn đường dốc hai bên đồng trống. Dấu vết trận chiến là những đám cỏ cháy đen, nơi những chiếc xe bị trúng đạn 57 bốc cháy. Tôi nghe kể lại rằng: sau phút rối loạn ban đầu và mặc dù vị Tiểu Đoàn Trưởng tử thương, Tiểu Đoàn bạn đã phản công thắng lợi. Địch quân trên đường rút lui qua đồng trống đã làm mồi cho phi cơ tiêu diệt.

Đoàn xe không ngừng ở Quảng Trị, chạy thẳng ra Đông Hà. Chúng tôi đến Đông Hà lúc mười một giờ trưa. Trời nắng gắt. Miền Trung đang mùa hạn hán. Đông Hà hai tháng nay không mưa, đất đai khô nẻ. Không một thoáng gió. Sáu giờ chiều chưa tắt nắng. Trọn buổi chiều tôi trầm mình dưới nước sông Đông Hà. Tắm cho đã, nay mai vào trong núi làm gì có nước. Tôi căn dặn toán y tá của tôi phải chuẩn bị nước thật đầy đủ. Dưới sức nắng nóng này không khéo sẽ chết khát trước khi chết vì đạn kẻ thù. Và không phải chỉ một mình tôi nghĩ đến điều đó. Chỉ một buổi chiều tất cả chiếc bầu bằng nhựa ngoài chợ biển mất hết. Mười giờ sáng hôm sau, hai Tiểu Đoàn Dù kéo sang phi trường chờ trực thăng vận. Nhìn vào đoàn quân một cảnh tượng khá buồn cười: người nào cũng toong teng bên hông một hay hai chiếc bầu xanh đỏ đựng đầy nước. Tôi mang hai bi đông nước và mười trái chanh nhét đầy trong túi vải đựng gấp đạn.

Mười chiếc trực thăng loại Chinook đến vận chuyển hai Tiểu Đoàn Dù. Mỗi chiếc chở được hai mươi người. Khung cảnh những toán quân lom khom tiến vào đuôi từng chiếc trực thăng, dưới cơn gió khu ốc tỏa bụi mịn mù từ những cánh quạt phần phật quay, trong tiếng ầm ầm của động cơ chuyển động, gây cho tôi một cảm giác nôn nao bồn chồn. Khi đoàn trực thăng đầu tiên chỉ còn là những chấm đen di động ở một góc trời, nơi màu xanh lơ của bầu trời tiếp nối màu xanh thẫm núi rừng, tôi nghe có thứ gì vừa mất mát trong tim. Tôi đi chiếc Chinook thứ năm của đợt năm. Hai giờ chiều. Nửa giờ bay dài đằng đằng. Nhìn xuống cảnh núi rừng trùng điệp, tôi nghĩ vẫn vơ: chiến tranh buồn cười thật, một đảng lặn lội từ Bắc vào, một đảng từ Châu Mỹ xa lắc xa lơ tới, và một đảng chúng tôi mãi tận Vũng Tàu ra, kéo đến chốn rừng thiêng nước độc này tìm cách giết lẫn nhau.

Chúng tôi đáp xuống Cù, một vùng cỏ cháy khô cằn như tên của nó. Tiểu Đoàn 2 được trực thăng vận đến đây trước tiên. Nằm trong vùng áp lực địch, tiền đồn xa nhất của Quận Cam Lộ được tăng cường phòng thủ và biến thành căn cứ pháo binh yểm trợ cuộc hành quân. Bốn giờ chiều cuộc đổ quân hoàn tất. Chúng tôi được lệnh di chuyển. Bằng qua một khu rẫy bỏ phế, trước mặt chúng tôi hiện ra một khu rừng dài chạy vào chân núi. Trong một thoáng khu rừng nuốt trọn ba Tiểu Đoàn Dù. Chúng tôi tiến hàng một, người sau động tác theo người trước. Mặc dù có lá cây che khuất ánh nắng, khí nóng vẫn hừng hực. Chưa gì tôi đã ực hết một phần ba bi đông nước. Hai tay xây xước vì khóm, gai mà

đàng trước dây leo, bụi bờ vẫn chằng chịt chắn lối. Gặp địch ở đây thì vất vả: khó lòng trông thấy được nhau.

Phải mất hai tiếng đồng hồ lần mò trong khu rừng. Khi chúng tôi leo lên ngọn đồi đầu tiên, bóng chiều đã ôm kín dãy Trường Sơn. Những ngọn đồi sim kế tiếp nhau tạo một màu tím sẫm. Những trái sim ngọt lịm giúp chúng tôi đỡ khát nước, vài binh sĩ tay hái sim, miệng hát: « Ôi, những đồi hoa sim, những đồi hoa sim tím chiều hoang biền biệt... » Phải có dịp đứng trên đỉnh đồi nhìn hoàng hôn sắc tím ngả dần xuống bao la mới nghe thấm thía âm thanh hai tiếng « biền biệt ». Không khí trở nên mát mẻ. Vượt thêm hai ngọn đồi nữa, đóng quân thì trời nhá nhem tối. Công việc đầu tiên của binh sĩ là đào hố cá nhân: ban đêm chỉ sợ địch pháo kích. Cơm nước xong, tôi đặt mình xuống chiếc cáng ngủ ngon lành.

Một loạt súng đánh thức tôi giậy. Chụp nón sắt tôi nhảy xuống hố cá nhân. Tôi nghe tiếng ông Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh trong máy cho các Đại Đội Trưởng căn dặn các « đứa con » quan sát cẩn thận, có địch xuất hiện. Súng vẫn nổ ở ngọn đồi bên kia. Từng hàng lửa vun vút lao xuống vùng đêm. Chừng năm phút thì im tiếng súng. Một lúc báo cáo cho hay, một binh sĩ gác thấy động nổ súng. Một số tân binh thiếu bình tĩnh xả súng bắn theo. May mắn không gây thiệt hại nào. Tiếng ông Chiến Đoàn Trưởng hét mắng tưởng vỡ cả máy. Tôi trở lên chỗ nằm, không tìm lại được giấc ngủ. Trời lạnh buốt. Trong đêm pháo binh bắn khuấy phá từng giờ, từng giờ như mõ cầm canh.

Năm ngày đầu tiến quân không gặp địch, nhưng chúng tôi có hai kẻ thù ghê gớm: ánh nắng mặt trời thiêu đốt và những núi đồi hiểm trở. Mỗi đêm chúng tôi nhận lệnh sáng hôm sau xong xuôi trước bảy giờ. Đồi núi giờ đó còn mù sương, ánh nắng ban mai chưa làm tan khí lạnh. Di chuyển sớm thì mát mẻ đỡ mệt, nhưng trên phương diện chiến thuật lại là một điều bất lợi: sương mù sẽ gây khó khăn cho phi cơ quan sát. Và sự thận trọng của cấp chỉ huy là một điều dễ hiểu. Khi mặt trời lên cao, sương mù tan biến, đồi núi khô ráo, phi cơ quan sát bay lượn một hồi, chúng tôi mới được lệnh di chuyển. Mỗi ngày phải đến một hay hai mục tiêu chỉ định. Hành trình gồm hai giai đoạn, chín đến mười hai giờ trưa và hai đến năm giờ chiều. Trung bình mỗi ngày chúng tôi vượt ba ngọn đồi hay một ngọn núi cao. Phải khai phá lối đi theo phương giác địa bàn. Chúng tôi tránh những con đường mòn, sợ bị phục kích. Những toán kinh binh, ngoài vũ khí chiến đấu, còn trang bị mỗi người một cái móc dài để khai thông lối đi. Vì thế chúng tôi tiến quân rất chậm. Nhưng gặp một đoạn đường dễ đi, người sau nhiều khi phải chạy mới đuổi kịp người trước. Trong rừng không bắt kịp người đi trước là lạc ngay, tai hại hơn nữa người bị lạc còn dẫn theo sau mình bao nhiêu người khác. Có những lúc đứng trên cao nhìn xuống, tôi thêm thường những con đường mòn sạch sẽ quanh co dưới thung lũng hay chạy quanh sườn đồi.

Thêm vào đó, hành trang người lính Dù quá nặng ngoài vũ khí, đạn dược, mỗi người còn phải mang theo bốn ngày lương khô cùng vật dụng cá nhân chất đầy trong xác đeo vai. Người lính khổ nhất Tiểu Đoàn, theo tôi, là những binh sĩ tải đạn 81. Mang ba quả 81 là một cực hình trong vùng hành quân này. Dưới ánh nắng chói chang, đổ một dốc núi, leo một đỉnh đồi là thấm mệt. Nước trở nên một vấn đề sinh tử. Địa điểm đóng quân nặng phần chiến lược nên chúng tôi ở trên đồi cao, xa những con suối dưới thung lũng hay khe núi. Mỗi ngày khi đóng quân, trực thăng đến tiếp tế cho mỗi Tiểu Đoàn chừng bốn mươi ống đựng đạn 105 nước. Phần chia ra Trạm Cứu Thương của tôi được hai ống, đủ để nấu một nồi cơm chiều, một nồi cơm sáng, một nồi nước trà và cho tôi rửa ráy qua loa mặt mũi. Hôm nào chỉ được một ống nước, tôi phải súc miệng rửa mặt bằng chút nước trà nguội còn sót lại trong bi đông. Mỗi ngày tôi giới hạn cho tôi uống một bình nước và ăn một trái chanh. Tôi tập uống từng ngụm nước nhỏ, cốt để cho đỡ khô môi hơn là đỡ khát. Binh sĩ, nhất là các tân binh chưa quen chịu đựng, uống nước quá nhiều, người tháo mồ hôi và dễ mệt lả. Cứ trung bình leo hết một ngọn đồi, có một người xỉu phải gọi trực thăng đi tản. Ngày thứ hai của năm ngày đầu chiếm kỷ lục về số đồi leo và cũng chiếm kỷ lục về số người xỉu. Leo tới đỉnh ngọn đồi thứ ba tôi kiệt sức. Ngọn đồi cỏ cháy như nung nấu dưới ánh nắng thiêu đốt. Tôi ngã lưng vào một lùm sim, thở không muốn nổi, hai chân rã rời, mặt tay cháy rát. Chỉ còn hai y tá bên cạnh tôi, bao nhiêu rơi rớt lại đằng sau hết. Đại Đội 62 mang đến tôi ba người xỉu, hai chỉ mệt lả vì say nắng, người thứ ba ở trong tình trạng « xuất nước » trầm trọng. Tôi truyền nước biển cho người bệnh nặng, chích thuốc khỏe cho hai người kia. Người lính truyền tin báo tôi biết, lưng chừng ngọn đồi ba có hai binh sĩ Dù và hai « đề lô » Mỹ xỉu xin được săn sóc. Có hai y tá đang săn sóc cho hai binh sĩ Dù. Tôi cố lết trở xuống tìm gặp hai anh chàng « đề lô » Mỹ nằm thở hào hển trong bụi mua. Một anh chàng thứ ba còn khỏe phe phẩy cành lá mua quạt cho hai đồng đội. Tôi nói với họ ráng leo lên đồi sẽ được săn sóc và đi tản. Người « đề lô » còn khỏe và tôi xóc nách anh chàng to lớn lôi đi, hai y tá của tôi dìu anh chàng thứ hai theo sau. Binh sĩ ngồi, nằm la liệt, dọc theo sườn đồi. Một câu nói hằn học vang lên đầu đó:

- Đi thì đi cho cố, mệt không cho nghỉ, đau không cho về. Đúng là kiếp trâu ngựa.

Lính nhảy dù là lính hay cẩn thận nhất, cẩn thận nhưng vẫn tiến, vẫn hăng say khi lâm trận. Trông hai anh chàng « đề lô » Mỹ thật thảm thương. Hôm đầu mới đến, anh nào cũng áo giáp nón sắt, xác đeo lưng, dướng dấp hiên ngang. Sau một ngày rươi leo núi, áo giáp nón sắt biến đi đâu hết. Bây giờ hai anh chàng nằm đó mặt mũi hốc hác. Tôi báo cáo máy lên Bộ Chỉ Huy tình trạng sức khỏe của bảy người xỉu và xin trực thăng đi tản. Tôi nhận ra tiếng ông Tiểu Đoàn Trưởng trong máy:

- Bắc Bình Sơn Tây liệu làm sao chứ về nhiều như thế này tôi không chịu đâu.

Giọng ông bực tức pha lẫn trách móc. Tôi biết ông muốn giữ quân. Tôi nghĩ thà ít mà khỏe hơn nhiều mà đau yếu mất tinh thần. Năng nôi, mệt nhọc dễ làm con người cáu kỉnh. Cả tôi nữa, tôi cũng muốn xỉu, muốn điên lên, muốn gây gỗ tất cả mọi người. Nhưng rồi hai chuyến trực thăng vẫn đi tản trốn bảy người bệnh.

- Thưa ... bác sĩ.

Tôi nhìn người y tá Đại Đội 63 khép nép, hỏi giọng gay gắt:

- Cái gì nữa?

- Dạ thưa một thằng tác chiến nó cướp chai nước biển của em mang nó uống một nửa, em cảm không nổi. Nó.... khát quá!

Tôi không giận người mang lẫn người uống chai nước biển, song tôi vẫn hét lên:

- Thằng đó bị thương thì đái ra mà truyền nước cho nó!

Ngày hôm ấy chúng tôi leo bảy ngọn đồi! Trong khi cánh quân Dù hoàn toàn vô sự thì hai cánh quân Việt, Mỹ khác đùng độ ác liệt với quân Bắc Việt. Phía Mỹ thiệt hại có ngày lên đến năm mươi người. Vùng quân Mỹ đổ bộ có nhiều sông suối và đồng bằng. Tôi nghĩ địa thế đó thuận lợi cho sự trú đóng lâu dài của địch. Phía chúng tôi phần nhiều đồi núi trọc, suối nước hiếm hoi, có lẽ vì vậy địch không ở. Cũng vì vậy năm ngày qua chưa thấy bóng dáng một tên địch nào.

Chúng tôi băng qua một vùng vừa bị B52 oanh tạc. Những đồi tranh, đồi mây cháy rụi tận gốc. Đi ngang qua người choáng váng vì khí nóng hừng hực vây quanh. Chúng tôi đang vòng về phía Cam Lộ. Tôi được biết ngày mai sẽ có cuộc trực thăng vận vào mục tiêu khác. Từ đó tiến ngược trở ra, song song với cánh quân Mỹ. Thời gian bốn ngày. Trạm Cứu Thương có hai y tá lên cơn sốt, một người bị té trặc chân phải di tản, còn lại tám người kể cả tôi. Tôi đánh công điện về Đại Đội Quân Y xin tăng cường người. Thiếu người mà số thuốc của ba y tá đau đổ lại không thể sang qua cho phần y tá còn lại. Họ cũng mang nặng và mệt mỏi lắm rồi. Tôi nẩy ra ý gói thuốc viên vào những bao nylon với số lượng cần thiết tối thiểu. Chai lọ vắt đi hết, cũng đỡ nặng được phần nào. Riêng thuốc cấp cứu, bông băng, nước biển, huyết tương phải giữ nguyên số lượng phòng khi đụng trận lớn.

Người y tá mang cho tôi một đĩa cơm. Đã bốn ngày ăn cơm sấy đồ hộp. Cơm sấy là loại cơm khô đựng trong túi nylon, khi ăn đổ nước vào cơm sẽ nở ra mềm như cơm nấu. Ăn thơm thơm nhưng chắc chắn còn bổ béo gì? Tôi ớn nhất món đồ hộp: thịt heo toàn là mỡ, cá trích ăn buổi sáng một miếng buổi chiều ứa vẫn còn mùi tanh. Tuy nhiên đói vẫn ăn nhiều. Vùng này không thể tìm ra một thứ rau lá nào để nấu tô canh húp cho mát miệng. Không ngờ trong đời tôi lại có lúc ăn uống kham khổ như thế này. Thời tản cư

cũng bữa đói, bữa no, nhưng nó nhàn nhã hơn nhiều. Trong một phút len trong nỗi mệt mỏi của thể xác, một sự chán nản tinh thần nhen nhúm. Trong một phút tôi thấy sự hy sinh của mình thật vô ích. Sao tôi không như mọi người chọn một cuộc sống thanh nhàn hơn? Sao tôi phải đày thân tôi ra chốn khổ ải này? Nếu ai cũng muốn thụ hưởng cả thì còn ai chiến đấu? Nhiều người phục tôi câu nói đó; bây giờ tôi thấy tôi hơi quân tử tàu! Mấy thằng bạn hỏi đùa tôi sao vợ đẹp thế mà bỏ đi Nhảy Dù. Tôi nhớ qua hơi men, tôi đã ba hoa bốc đồng giảng giải dài dòng lý do vì sao vợ tôi đẹp mà tôi đi Nhảy Dù xa nhà quanh năm suốt tháng. Tôi nhớ tôi lập luận :

- Nếu vợ tao xấu tao đã không đi Nhảy Dù, tao lo giữ mạng sống tao cho nó, vì nếu tao chết lấy ai thương yêu đùm bọc nó nữa, một góa phụ xấu rất khó làm lại cuộc đời. Đàng này vợ tao đẹp, lỡ tao có gó « poncho » thì còn khối thằng nhảy vào. Và biết đâu khối thằng đang mong cho tao chết để nhảy vào... ?

Tôi nói thế để làm gì? Để chúng nó phục lăn ra, chúng nó gọi tôi là thằng chịu chơi. Bây giờ giữa cảnh hoang vu của núi rừng, tôi nhớ Sài Gòn, nhớ người yêu. Bây giờ tôi ước mong làm một người bình thường sống một cuộc đời yên phận. Có tôi hay không có tôi, chiến tranh vẫn tiếp diễn, cục diện vẫn không thay đổi. Thế thì lý do nào khiến tôi tự đày thân mình ra chốn khổ ải này? Lý do nào bắt tôi sống một tuần với gia đình đã lại muốn đi, đã nhớ cảnh năm lều, ngủ võng? Tôi không thích chiến tranh nhưng tôi yêu đời lính, yêu màu áo binh chủng. Tôi ước mong ngày mai đặng trận, tiếng súng nổ, tiếng đạn reo sẽ làm tôi quên hết nhọc mệt, chán nản. Chỉ có súng đạn, máu lửa mới an ủi được nỗi buồn vô cớ trong tâm hồn tôi và tôi lo sợ một ngày hòa bình trở lại, tôi sẽ là kẻ trở về lạc lõng giữa một xã hội không bị chiến tranh tàn phá tâm hồn...

Bây giờ sáng hôm sau đổ đồi. Tám giờ, mười chiếc Chinook đến bốc một nửa Tiểu Đoàn 6 ném vào một vùng núi xa độ hai mươi phút bay. Tôi đi đọt hai chiếc Chinook thứ sáu. Theo sau là Tiểu Đoàn 8, Tiểu Đoàn 2 đóng nguyên chỗ cũ. Bãi đáp là một khu rừng thưa. Cuộc đổ quân an toàn. Mười giờ tiến quân. Chúng tôi băng qua một con đường nhựa, con đường đưa lên Khe Sanh, Lao Bảo. Hai bên đường những cây mây, cây tranh mọc cao quá đầu người. Đoàn quân tiến qua một vùng cháy rụi, loang lổ những hố bom cày, rải rác những hầm trú ẩn. Tôi nghĩ đến những người lính Bắc Việt bỏ xác nơi đây dưới trận mưa bom bất ngờ khốc liệt. Chúng tôi lúp xúp tiến lên một ngọn đồi tranh. Chỉ cần một tên địch nổi lửa đốt đồi cũng đủ thiêu sống cả Tiểu Đoàn. Cái nắng nóng ghê gớm từ trên đầu rọi xuống, từ những đám tranh hắt ra, từ dưới lớp đất nung bốc lên tưởng chừng nướng bỏng da thịt chúng tôi. Quần áo dầm mồ hôi, tôi lấy miếng bông gòn thấm nước trà chấm lên mặt cho da đỡ cháy rát. Có được một nón sắt nước để rửa mặt lúc này thì thật quý hơn vàng. Sau đồi tranh là một ngọn núi sừng sững. Đỡ được nắng thì gặp phải sự di chuyển khó khăn. Chúng tôi phải leo, nhảy, đánh đu như vượn. Một giờ trưa mới nghỉ chân ăn cơm ở đỉnh núi. Đỉnh núi bị một quả bom rơi trúng làm lở một vệt

dài. Tôi sẽ không bao giờ quên buổi ăn trưa đó: ngồi ăn với hai bàn chân chống vào một gốc cây, cánh tay trái chèo qua một thân cây cho khỏi ngã xuống vực sâu. Ở đó tôi suýt bị một con bò cạp cắn. Nó lớn bằng ngón tay cái trông phát rùng mình...

Ba giờ di chuyển qua những ngọn đồi tranh. Một đồi... một đồi... lại một đồi! Trước mặt, đằng sau, bên phải, bên trái toàn đồi núi! Cảnh trông thật thối chí cho những tay leo núi bất đắc dĩ như chúng tôi. Có tin Tiểu Đoàn 8 khám phá hai hầm đạn giấu hơn một trăm quả 81 và năm hầm chôn năm mươi xác địch. Số xác chết có lẽ là kết quả cuộc đụng độ với Tiểu Đoàn 2 Dù trước đây. Hôm ấy phía cánh quân Mỹ hóa châu soi sáng suốt đêm.

Chín giờ sáng hôm sau đổ đồi, tiến vào một khu rừng đầy hầm hố mới đào. Có lệnh súng cầm tay, quan sát phải trái. Chúng tôi men theo con đường mòn, dè dặt đi trong cái mát lạnh căng thẳng của khu rừng. Bỗng mấy loạt súng vang lên phía đằng trước. Cánh quân Chỉ Huy dừng lại. Không nghe động tĩnh gì thêm. Một lát có lệnh truyền miệng đến tôi: « Mời bác sĩ lên săn sóc một tù binh bị thương nặng ». Di chuyển chừng hai trăm thước, tôi gặp một toán binh sĩ bố trí quanh một cái cáng trên đó một binh sĩ Bắc Việt nằm thoi thóp. Khám nghiệm tôi thấy anh ta bị năm phát đạn AR15, một loại đạn rất xuyên phá, ở đầu gối và bắp vế trái, bắp chân và bắp vế phải và ở bụng. Tôi cho buộc garrot, truyền một chai huyết tương và băng bó các vết thương. Tôi nhìn sang bên cạnh, hai xác Việt Cộng khác nằm ngửa mặt lên trời, một trúng đạn ngay ở tim, một đạn xuyên từ ót ra trước phá vỡ cả mặt trông thật khó nhìn. Tôi cho lật hai cái xác úp mặt xuống đất. Người hạ sĩ quan an ninh đưa tôi xem một khẩu thượng liên và hai khẩu súng trường Nga có gắn lưới lê vừa tịch thu được. Ông này nói :

- May mình nổ súng trước nếu không khẩu này nó quét trước thì khinh binh mình ngã hết. Thằng bị thương là xạ thủ khẩu thượng liên này.

Người thương binh mở mắt lơ lảo nhìn, vẻ sợ hãi. Ông sĩ quan an ninh vỗ về:

- Anh đừng sợ, có bác sĩ săn sóc vết thương cho anh đây, anh tên chi?
- Đào Duy Đức.
- Anh có bao nhiêu người?
- Năm, lạc mất Đại Đội. Đói ba ngày nay, ăn toàn xoài sống.
- Anh biết thiếu úy Mai Hồng Nhĩ không?
- Tôi thuộc Đại Đội của ông.
- Ông ta đã ra đầu thú anh biết chưa?

Người thương binh lắc đầu rồi kêu khát nước. Tôi chỉ cho anh nhấp nhấp. Các vết thương cứ rỉ máu. Anh ta kêu tức ở bọng đái. Tôi nghĩ bụng anh ta đầy máu. Khả năng tôi không làm gì hơn được. Tôi gọi máy Bộ Chỉ Huy xin trực thăng di tản. Lờn yêu cầu được chấp thuận nhưng phải chờ tìm bãi đáp vì chúng tôi đang ở trong rừng cây đan chằng chịt trên đầu. Chai huyết tương hết. Tôi băn khoăn không biết có nên cho thêm một chai nước biển hay chai huyết tương thứ hai. Tôi còn ba chai huyết tương và năm chai nước biển. Số lượng đó chỉ cần năm thương binh nặng là tiêu thụ hết. Tình thế này biết đâu sẽ còn chạm súng nữa. Binh sĩ tôi sẽ bị thương phải dành cho họ. Tôi quyết định chỉ cho chích thêm thuốc trợ tim và thuốc cầm máu. Mạch vẫn nhảy yếu tuy có đều hơn. Người lính Bắc Việt cầm chặt tay tôi:

- Bác sĩ cứu em!

Tôi cảm động. Anh ta không chửi tôi là quân nguy, anh ta xưng em với tôi. Tôi an ủi anh:

- lát nữa sẽ có trực thăng đón anh về bệnh viện săn sóc.

Rồi tôi tò mò hỏi về gia thế anh ta:

- Anh mấy tuổi? Có gia đình chưa?

- Dạ, hai mươi ba, một vợ hai con. Em mệt quá bác sĩ!

Anh ta sắp bị xúc kích huyết. Ý muốn truyền thêm một chai huyết tương lại trở về trong đầu tôi. Không được, phải dành cho binh sĩ mình. Tôi bị giằng co giữa hai ý định trái ngược đó. Người thương binh lịm dần không còn nói được nữa. Anh ta sắp chết! Tôi biết thế mà cảm thấy mình không thể làm gì hơn. Khai phá được một lối đi, đưa người thương binh Bắc Việt ra đến bãi đáp chờ trực thăng thì anh chỉ còn là cái xác bất động. Biết anh ta sẽ chết, nhưng khi anh chết thật tôi lại muốn chưa tin anh ta chết. Tôi bắt mạch, áp tai vào ngực một hồi lâu rồi mới nói:

- Nó chết rồi!

Chúng tôi đặt xác anh ta xuống một hầm trú ẩn và lấp đất. Không cứu được anh ta thật là đáng tiếc, nhưng ít nhất việc làm của chúng tôi cũng giúp anh trước khi chết nhận thức được rằng kẻ mà anh gọi là thù không độc ác như người ta hằng tuyên truyền cho anh như vậy để căm thù. Riêng tôi đến giờ phút này, ngồi ghi lại chuyện ngày qua, viết đến cái chết của người lính Bắc Việt tôi vẫn nghe dần vạt trong lòng. Tôi biết vết thương anh trầm trọng khó sống, nhưng thà tôi truyền cho anh hai, ba chai nước để rồi anh vẫn chết tôi sẽ yên lòng hơn là để anh ta chết trong ý nghĩ mình chưa làm tròn những gì mình phải làm.

Chúng tôi đang ở ngày thứ chín của cuộc hành quân. Sáng nay thay vì di chuyển ra « điểm hẹn » Tiểu Đoàn 6 ở lại yểm trợ một Trung Đội Bảo An trở lại tìm một số vũ khí còn chôn giấu quanh tiền đồn nằm phía trái dưới chân ngọn núi tôi ngồi ăn cơm trưa trên đỉnh. Toán Bảo An men theo con đường mòn tiến ra đến đường nhựa an toàn. Họ chia làm hai toán theo hai bờ đường nhựa tiến lên đồn. Khi toán một tiến đến gần đồn thì địch ở trong đồn nổ súng, đồng thời địch bên kia đường nhựa cũng ào lên chặn đánh toán hai.

- Đại Bàng gọi Phi Vân, Đại Bàng gọi Phi Vân, anh nghe tôi không?

- Phi Vân báo cáo với Đại Bàng: mất liên lạc với toán một; toán hai « ngủ » ba, « nằm » một. Đại Bàng, Đại Bàng chúng nó lại xung phong...!

Liên lạc máy đến đó bị cắt đứt. Tôi bàng hoàng. Hai Đại Đội Dù được lệnh đổ đồi tiếp cứu. Chừng mười phút sau, mấy loạt súng nổ vang dưới chân đồi. Tôi ngồi im nghe tiếng nói vang vang trong chiếc PRC25:

- Thanh Tòng gọi Minh Mạng.

- Minh Mạng tôi nghe.

- Chạm địch bất ngờ, Thuận Thanh ngã hai, bị thương hai; Long Vị ngã một, bị thương một. Thiệt hại địch không rõ. Xin cho săn sóc, di tản thương binh và xác. Chờ quyết định của Minh Mạng.

Tôi dẫn toán y tá đổ đồi. Xuống được hai phần ba đồi gặp Bộ Chỉ Huy nhẹ của ông Tiểu Đoàn Phó và ba thương binh. Một trúng thương ở đầu đang hôn mê, một đạn xuyên qua ngực và một đạn xuyên qua cổ tay. Tôi ưu tiên săn sóc người bị thương ở ngực. Đạn vào ở ngực và trở ra đằng sau lưng; một viên phá nát xương quai xanh và xương bả vai trái; một viên khoét một lỗ hồng lớn bằng nắm tay gần sống lưng phía trái. Tôi nhìn thấy lá phổi trái đang hô hấp. Lần đầu tiên tôi gặp một trường hợp « thorax soufflant ». Vết thương hồng quá lớn không khâu được. Để tránh biến chứng do không khí tràn vào phổi, tôi lấy một chồng compresse 4x4 bít kín hai lỗ phá rồi lấy một cuộn băng thun khoanh chặt lưng. Cùng một lúc tôi cho truyền một chai huyết tương, một chai dextran có pha thuốc chống xúc kích, thuốc điều hòa hô hấp. Người thương binh rên la trần trở. Khi đôi mắt lơ dờ của anh bắt gặp tia nhìn nặng trĩu lo âu của tôi, anh nắm chặt lấy tay tôi thều thào trong nước mắt:

- Bác sĩ ơi! Tôi biết tôi sắp chết...

Tôi cắt ngang câu nói của anh:

- Không sao đâu anh sẽ sống....

Người thương binh lắc lắc tay tôi ra hiệu bảo tôi im.

- Bác sĩ nói thế để an ủi tôi. Tôi biết tôi sắp chết. Nhờ bác sĩ tin cho vợ tôi hay. Nó ở số 4 đường Thái Phiên, Hội An. Nhờ bác sĩ nói nó ráng nuôi con tôi và... lấy chồng khác đi...

Không ngờ trong đời tôi lại có lúc chứng kiến cảnh trời trăng này, những lời trời trăng y hệt như trong một tuồng cải lương; có khác chăng những lần khác tôi cười, lần này tôi rớm nước mắt. Nhưng câu nói « Không sao đâu, anh sẽ sống » của tôi không phải là lời an ủi trong tuyệt vọng. Sau khi truyền hết chai huyết tương, tôi tin anh sẽ sống. Trái lại vết thương đầu là một ám ảnh lớn của người y sĩ. Họ gần như bất lực trước thương tích đó. Nó sống là nó sống, nhờ ơn Chúa, ơn Phật; nó chết là nó chết, tại số nó hết.

Bãi đáp trực thăng được chọn ở lưng chừng đồi. Phải di tản thương binh ngược trở lên. Bỗng dưng trời đổ cơn mưa lớn, dốc đồi trơn trượt, công việc tải thương thật khó khăn chật vật. Tôi hỏi ông Tiểu Đoàn Phó về tình hình. Ông nói:

- Địch có một khẩu đại liên ở trên núi cạnh đồn và một khẩu trung liên đặt trên đỉnh đồi bên kia đường nhựa quét chéo rất dày về phía mình đổ quân. Tiến quân chắc chắn sẽ bị thiệt hại mà kết quả chưa chắc sẽ được gì. Đẳng nào Trung Đội Bảo An cũng đã tan rã.

Hai giờ chiều. Cơn mưa vừa dứt. Ba cái xác gói trong poncho lần lượt được gánh qua mặt tôi. Máu nhều từ những đôi giày xuống mặt đất kéo thành từng vệt đỏ dài. Tôi nghe đau xót trong lòng. Đời người thật ngắn ngủi, sống đó rồi chết đó.

Phản lực khu trục, pháo binh nối tiếp nhau bắn phá giội bom suốt hai tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ đến số phận những người Bảo An sống sót còn kẹt lại dưới đó. Bộ Chỉ Huy cho biết Đại Tá Tư Lệnh Sư Đoàn 1 sắp xuống thám sát tình hình. Năm phút sau, một chiếc H34 đổ xuống đỉnh đồi. Sau khi chiếc trực thăng bay đi, hai Đại Đội Dù được lệnh rút lên đồi. Một nỗi buồn uất ức xâm chiếm tâm hồn mọi người. Ba chết, ba bị thương mà không đánh đổi được gì. Chín người Bảo An chạy thoát được về trong số có ông chuẩn úy Trung Đội Trưởng và người y tá. Người y tá Bảo An cho tôi hay anh có sẵn sóc cho một đồng đội bị thương ở chân. Khi địch xung phong, anh chạy bỏ lại người bị thương không biết sống chết ra sao.

Trong bữa cơm chiều, toán y tá của tôi bàn tán dị đoan:

- Tiểu Đoàn này kỳ lắm, hành quân cứ ngày chót là có đổ máu.

Một y tá nói về một người chết:

- Tôi nghiệp thằng Thanh, nó mang máy cho ông Đại Đội Trưởng vì trễ năm ngày phép bị tổng đi khinh binh mới đi lần đầu đã dính...

Tôi nhớ tên biết mặt một trong ba người chết: Hạ sĩ Lâm Đức Túc. Tôi nhớ Túc vì một câu chuyện xảy ra giữa anh và tôi. Một buổi sáng ở hậu cứ, Túc vào khám bệnh. Tôi hỏi anh đau gì. Túc đáp:

- Thưa bác sĩ, mắt tôi mấy hôm nay sao mờ đi, nhìn đéo thấy gì cả!

Biết anh vô ý quen miệng, song tôi vẫn đập bàn quát mắng. Túc đờ người ra, chùng chột hay mình đã nói gì, mặt anh tái đi miệng lắp bắp xin lỗi. Tôi đem câu chuyện kể cho đám y tá nghe và thầy trò cùng cười. Bây giờ thì Túc đã chết, nhưng anh lưu ở lòng tôi một kỷ niệm vui, vui để mà buồn....

Tôi được đánh thức dậy lúc bốn giờ sáng. Hôm nay phải có mặt ở « điểm hẹn » lúc mười giờ. Đoạn đường dự trù hai ngày đi, bây giờ phải đi trong năm giờ. Năm giờ sáng chúng tôi di chuyển, đi mò mò trong sương, vượt hai ngọn núi và mười ba trái đồi. Nhịn đói mà đi. Mệt lả nhưng mọi người cố gắng vì là đi về. Đến điểm hẹn trễ mất nửa giờ. Bấy chiếc H34 lần lượt đem chúng tôi trở về Đông Hà. Khi Tiểu Đoàn đi được một nửa, binh sĩ gác báo cáo thấy một bóng người xuất hiện trên đồi. Quả thật một bóng người ẩn hiện từ đồi này qua đồi khác, chạy về hướng chúng tôi. Bóng người rõ dần. Chúng tôi nhận ra một người lính Bảo An. Mọi người vây quanh mừng con người may mắn cuối cùng. Anh là người sống sót thứ tư của toán đi đầu. Người Bảo An kể:

- Lúc phi cơ oanh tạc và pháo binh bắn phá, tôi nằm trong bụi rậm chờ chết.

Nhưng may mắn vô sự. Chúng nó đông lắm, phục sẵn, chờ Nhảy Dù xuống là đánh. Chúng chết nhiều vì tôi nghe chúng lục đục tải thương đến khuya. Khoảng gần sáng tôi bò về chỗ đóng quân, nhưng không dám lên đồi sợ binh sĩ Nhảy Dù nổ súng. Mệt quá ngủ quên, tỉnh dậy thấy Tiểu Đoàn đã di chuyển, tôi vội vã chạy theo dấu...

Về đến Đông Hà việc đầu tiên của tôi là thay bộ quần áo mười ngày không giặt, nhảy xuống sông kỳ rửa cái thân xác mười ngày không tắm. Sau đó cùng bác sĩ Niệm của Tiểu Đoàn 8 ra chợ Đông Hà húp liền hai tô bún nóng cay, uống vài chai bia lạnh cho bỏ những ngày ăn uống thiếu thốn.

Tiểu Đoàn đóng quân ở Đông Hà đã mười lăm ngày. Đông Hà quá bé, quá buồn, quá bụi bặm nắng nôi. Bắt đầu thấy chán lại muốn đi. Phong Điền, Hải Lăng, Hà Lạc những vùng nặng áp lực địch đang chờ chúng tôi. Nhưng mười giờ tối hôm đó, chúng tôi nhận lệnh ngày mai Chiến Đoàn Dù sẽ được không vận lên Pleiku. Tôi nghĩ đến Pleime, thung lũng la Drang với con suối la puk nước chảy xiết như thác; tôi nghĩ đến chiếc đồn chợ vơ nằm giữa lòng chảo Đức Cơ. Và một ngày sắp tới, ngồi trên trục thẳng, nhìn xuống cảnh núi rừng trùng điệp chắc tôi lại sẽ nghĩ vẩn vơ... Chiến tranh buồn cười thật; một đấng lặn

lội từ ngoài Bắc vào, một đấng từ Châu Mỹ xa lắc xa lơ tới và một đấng chúng tôi từ Vũng Tàu lên, kéo đến chốn rừng thiêng nước độc này tìm giết lẫn nhau...

\*\*\*

\*\* Bạn có thể thưởng thức một số sáng tác của Trang Châu trên những trang này:

1. Nguyệt san Tình Thương (1964 – 1966) do nhà văn Trần Hoài Thư sưu tập  
<https://tranhoaithu42.com/2021/05/17/nguyet-san-tinh-thuong-tai-chinh-trang/>
2. Trang Sáng Tạo (Bắc Phong)  
<https://sangtao.org/category/tac-gia/trang-chau/>
3. Trang Trần Thị Nguyệt Mai  
<https://tranthinguyetmai.wordpress.com/tag/trang-chau/>
4. Tác phẩm *Nhà Tiên Tri* của Khalil Gibran do Trang Châu dịch Việt ngữ  
<https://tranthinguyetmai.wordpress.com/category/nha-tien-tri/>
5. Nguyệt San KBC tháng 6/2024: Chủ đề: Trang Châu – Y sĩ tiền tuyến  
<https://online.fliphtml5.com/gjmzl/ydfa/#p=1>